



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN
Lô 4-6-8, Đường 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM, Việt Nam
ĐT: 37541802 - 37541889 Fax: 37541808
Email: aptco@apt.com.vn Web: www.apt.com.vn

Số: 49 /CV-THS
V/v Công bố thông tin trên cổng
Thông tin điện tử của UBCKNN

TP.HCM ngày 06 tháng 04 năm 2016

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước

Công ty: Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn.

Trụ sở chính: Lô 4-6-8, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 84-8-37541802 Fax: 84-8-37541808

Người thực hiện Công bố thông tin: Ông Đào Quốc Hải

Điện thoại: 84-8-37541802 Fax: 84-8-37541808

Di động: 0903913744

Loại Thông tin công bố: công bố thông tin định kỳ.

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2015:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên (để công bố TT);
- HĐQT Công ty (để báo cáo);
- Ban KS Công ty (để báo cáo);
- Tổng Giám đốc (để báo cáo);
- Lưu: VT, TK.HĐQT

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN


ĐÀO QUỐC HẢI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN (APT).**
Năm báo cáo: 2015



Tháng 04/2016

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN.**
- Tên tiếng Anh: **SAIGON AQUATIC PRODUCTS TRADING JOINT STOCK COMPANY.**
- Tên viết tắt: **APT CO.**
- Trụ sở chính: Lô 4-6-8 Đường 1A, P.Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84.8) 37541889 - Fax: (84.8) 37541808.
- Website: www.aptc.com.vn - Email: aptc@aptc.com.vn
- Vốn điều lệ: 88.000.000.000 đồng (Tám mươi tám tỷ đồng).
- GCNĐKKD số 41035759 do Sở Kế Hoạch Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/12/2006; đăng ký thay đổi lần 07 ngày 25/06/2013.
- Mã cổ phiếu (nếu có): Không.

2. Quá trình hình thành và phát triển:

a. Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn (APT) được thành lập do cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Kinh doanh Thủy Hải sản theo Quyết định số 2399/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Tp.Hồ Chí Minh ngày 26/05/2006 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Kinh doanh Thủy hải sản thành Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn (Công ty APT). Công ty APT chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 01/01/2007 theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103005759 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 20/12/2006.

Công ty APT chuyên sản xuất, chế biến và kinh doanh các mặt hàng thủy hải sản, nông sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa. Được thành lập từ năm 1976, đến nay Công ty đã không ngừng cải tiến kỹ thuật, trang thiết bị, công nghệ nhằm nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm. Các Xí nghiệp trực thuộc Công ty đều được cấp Code xuất khẩu đi Châu Âu bao gồm Code DL 364, DL 142, DL 769, HK 155, HK 156.

Với các yếu tố như: đội ngũ quản lý, cán bộ kỹ thuật có kinh nghiệm và năng động, công nhân sản xuất chế biến lành nghề, dây chuyền sản xuất hiện đại, cùng hệ thống quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn HACCP, ISO... Công ty rất tự hào vì đã góp phần tạo nên một thế giới thực phẩm an toàn, chất lượng phục vụ cho cuộc sống.

Với năng lực hiện có, hàng năm Công ty sản xuất và chế biến 20.000 - 30.000 tấn thủy hải sản các loại, trong đó 60% dành cho xuất khẩu. Hiện nay sản phẩm của Công ty có mặt trên 25 quốc gia ở các châu lục và ngày càng mở rộng trong tương lai.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã năm (06) lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp bổ sung giấy chứng nhận ĐKKD. Lần thay đổi thứ bảy số 0300523755 ngày 25/06/2013.

Công ty đã được tặng thưởng các danh hiệu:

- + Năm 2001: Huân chương Lao Động hạng 3.
- + Giải thưởng Hội chợ hàng Việt Nam chất lượng cao hợp chuẩn 2004, 2005, 2006.

- + Sản phẩm uy tín chất lượng năm 2005
- + Huy chương vàng hội chợ Vietfish 2000, 2003, 2005, 2006, 2007, 2008.
- + Năm 2006: Giải thưởng Sao vàng Đất Việt, Business Excellent Awards 2006.
- + Thương hiệu Việt Uy tín chất lượng năm 2005-2006-2007
- + Năm 2008: Giấy chứng nhận Doanh nghiệp Xuất khẩu Uy tín của Bộ Công Thương.
- + Năm 2010-2011-2013-2014: Giấy Chứng nhận hàng Việt Nam chất lượng cao.

b. Các sự kiện khác:

Ngày 26/11/2006, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn do Đại hội đồng cổ đông thành lập bầu ra, gồm 05 người với nhiệm kỳ 05 năm kể từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2011. Danh sách Hội đồng Quản trị (HĐQT) cụ thể gồm có:

- | | |
|----------------------------|-------------------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Chí Thành | Chủ tịch HĐQT; |
| 2. Ông Đỗ Văn Vinh | Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc; |
| 3. Ông Nguyễn Thanh Sơn | Thành viên HĐQT – P. Tổng Giám đốc; |
| 4. Ông Nguyễn Văn Công Hậu | Thành viên HĐQT – P. Tổng Giám đốc; |
| 5. Ông Tạ Bá Thuyết | Thành viên HĐQT (cổ đông ngoài). |

Từ tháng 04/2008, Ông Đào Xuân Đức – người đại diện vốn Nhà nước, giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay thế Ông Nguyễn Chí Thành do chuyển công tác (đã báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong kỳ Đại hội thường niên 2008).

Tháng 07/2009, thành viên HĐQT tiếp tục có sự thay đổi do Tổng Công Ty Thương Mại Sài Gòn thay đổi người đại diện vốn Nhà nước. Cụ thể:

Ông Trương Tiến Dũng là đại diện vốn Nhà nước, thành viên Hội đồng Quản trị giữ chức vụ Tổng Giám đốc, thay thế Ông Đỗ Văn Vinh do tạm đình chỉ chức vụ.

Ngày 21/11/2008, Ủy Ban Nhân Dân TP HCM đã chấp thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần Kinh Doanh Thủy hải sản Sài Gòn thực hiện bán đấu giá tiếp phần vốn Nhà nước là 36,68% /Vốn điều lệ (VĐL) và chỉ giữ lại phần vốn Nhà nước theo phương án ban đầu là 30%/VĐL. Căn cứ vào Biên bản xác định kết quả đấu giá ngày 27/8/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh, Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn đã tổ chức xong việc bán đấu giá 36,68% /VĐL của phần vốn Nhà nước tại Công ty.

Ngày 31/10/2009, Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn có Quyết định giảm số lượng người Đại diện vốn Nhà nước từ 05 thành viên xuống còn 03 thành viên (Ông Nguyễn Thanh Sơn Phó TGD và Ông Nguyễn Văn Công Hậu Phó TGD không còn là người đại diện vốn Nhà nước và từ nhiệm chức danh thành viên HĐQT tại Công ty).

Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường vào tháng 11/2009 để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị. Sau đại hội, các thành viên Hội đồng Quản trị được thay đổi theo danh sách sau:

- | | | |
|-------------------------|---|-----------------|
| 1. Ông Trần Phát Minh | : | Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Nguyễn Ngọc Tuấn | : | Thành viên HĐQT |
| 3. Ông Đào Xuân Đức | : | Thành viên HĐQT |

4. Ông Trương Tiến Dũng : Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc
5. Ông Tạ Bá Thuyết : Thành viên HĐQT

Sau Đại hội thường niên 2010, các thành viên HĐQT được thay đổi theo danh sách như sau:

1. Ông Trần Phát Minh Chủ tịch HĐQT
2. Ông Đào Xuân Đức Thành viên HĐQT
3. Ông Trương Tiến Dũng Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc
4. Ông Phùng Công Trí Dũng Thành viên HĐQT

Ngày 12 tháng 7 năm 2011, UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Thông báo số 477/TB-VP về việc kết luận thanh tra toàn diện các vấn đề liên quan đến công tác điều hành SXKD và công tác quản lý tổ chức của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn. Qua đó, UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã thống nhất theo đề xuất của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn, chọn phương án tái cấu trúc lại tổ chức và hoạt động để giúp Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn phục hồi, duy trì hoạt động, tạo công ăn việc làm cho người lao động và có điều kiện thanh toán công nợ.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh theo GCNĐKKD:

Nuôi trồng thủy sản. Mua bán vật tư phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản. Mua bán, chế biến thủy hải sản. Gia công các mặt hàng thủy hải sản. Sản xuất, mua bán thức ăn gia súc. Chế biến nước mắm, nước chấm. Sản xuất nước đá. Gia công hàng may mặc, các sản phẩm bằng kim loại. Sản xuất, mua bán gaz NH3. Sản xuất các loại cấu kiện từ panel nhựa xốp, gia công lắp ráp các nhà kho chứa, kho lạnh, khung nhà tiền chế, các loại vách ngăn cách nhiệt, các tấm trần bằng cấu kiện panel và tole tráng nhựa, các loại bao bì, các loại hộp thực phẩm và thức ăn nhựa bằng nhựa xốp. Mua bán xăng, dầu, nhớt các loại. Kinh doanh ăn uống các mặt hàng thủy hải sản tươi sống và chế biến. Mua bán bao bì, panel nhựa xốp, mua bán cấu kiện, thiết bị lạnh. Mua bán thực phẩm, công nghệ phẩm, kim khí, điện máy, xe máy, vật tư phục vụ sản xuất, nông sản, phương tiện vận tải chuyên dùng. Mua bán thiết bị, máy móc, vật tư, nguyên liệu ngư lưới cụ, rượu. Ăn uống, nhà nghỉ, massage, xông hơi, sân tennis. Dịch vụ bảo quản hàng đông lạnh xuất khẩu, sửa chữa cơ điện lạnh. Cano lướt ván, chèo thuyền, câu cá giải trí. Cho thuê kho, bãi, kinh doanh bất động sản, bảo quản thịt và các sản phẩm chế biến từ thịt, chế biến bào quản rau quả.

Tại đại hội cổ đông thường niên năm 2012 cổ đông Công ty đã bầu chọn Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II (2012-2016) gồm các thành viên:

1. Ông Trần Phát Minh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
2. Ông Nguyễn Lâm Vinh Huy Thành viên Hội đồng quản trị.
3. Ông Trương Tiến Dũng Thành viên hội đồng quản trị,

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị:

o Đại hội đồng Cổ đông.

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định của công ty, quyết định những vấn đề thuộc quyền và nhiệm vụ được Luật pháp và Điều lệ công ty quy định.

o Hội đồng Quản trị.

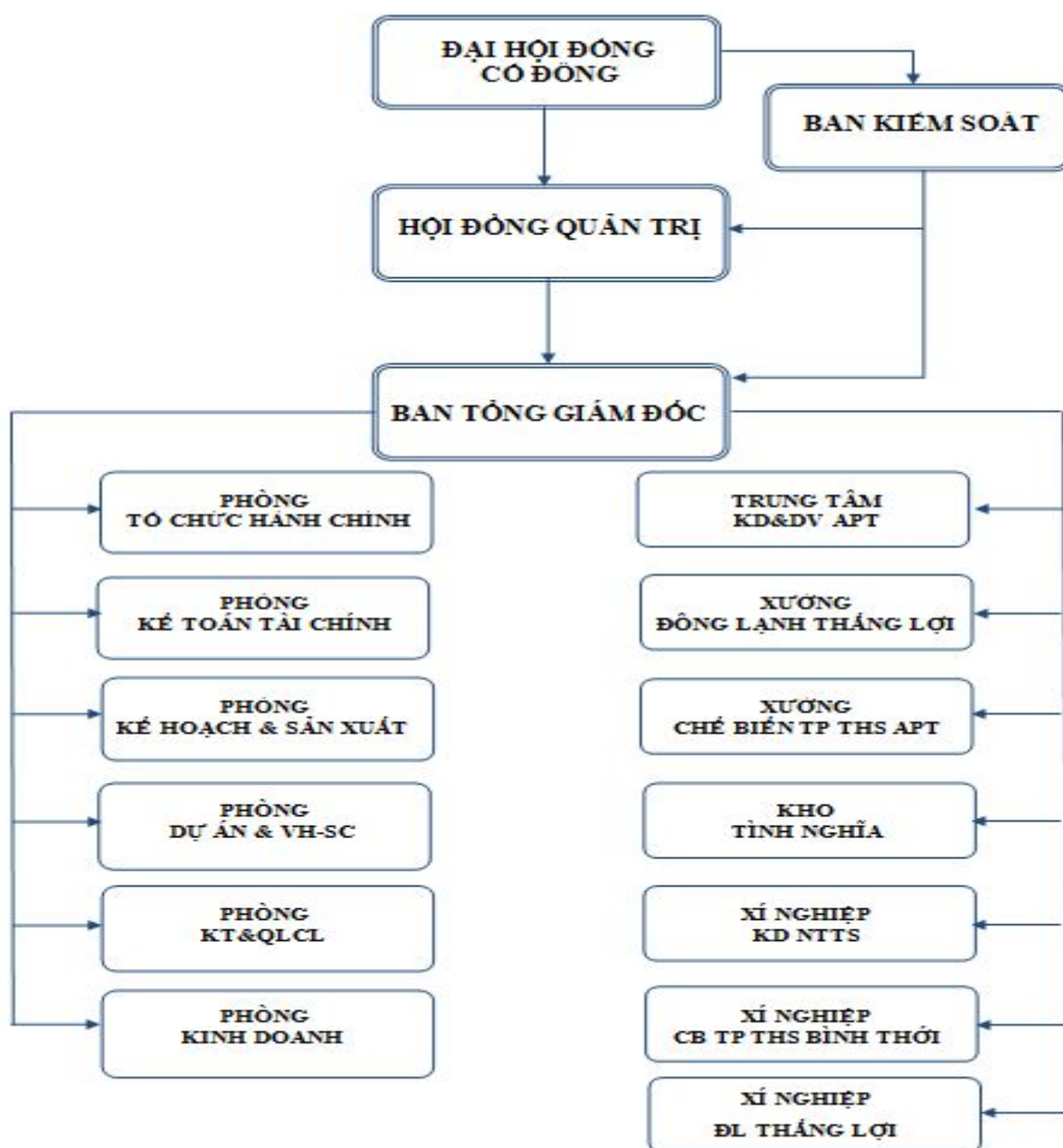
Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị công ty có 03 thành viên và có nhiệm kỳ là 05 năm.

o Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan thực hiện giám sát trong việc quản lý và điều hành của công ty, kiểm tra tính hợp lý, pháp lý, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát công ty có 03 thành viên và có nhiệm kỳ tương ứng theo nhiệm kỳ của HĐQT

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

Cơ cấu Bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn



- Các Công ty con, Công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các Công ty con, Công ty liên kết): Không có.

5. Định hướng phát triển:

5.1. Mục tiêu tổng quát của chiến lược phát triển:

- Xây dựng phương án khả thi khai thác có hiệu quả các dự án bất động sản; Thực hiện phương án tái cấu trúc Công ty từng bước nhằm lành mạnh hóa tài chính.
- Trên tinh thần khai thác tối đa các nguồn lực sẵn có, hợp tác chặt chẽ với các đối tác trong và ngoài nước, Công ty duy trì và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo công ăn việc làm nâng cao đời sống cho người lao động.

- Công ty APT cam kết cung ứng thực phẩm chế biến thủy hải sản “*Chất lượng cao-giàu chất dinh dưỡng-an toàn và tiện lợi*”, phấn đấu trở thành một trong những thương hiệu Việt chuyên nghiệp và uy tín với người tiêu dùng.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

5.2.1. Chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh Thủy hải sản:

a. Xuất khẩu:

- Phấn đấu tăng tỉ lệ sản xuất phục vụ xuất khẩu lên 30-40% công suất Nhà máy.
- Đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng có lợi thế cạnh tranh, tích cực phát triển các mặt hàng có tiềm năng thành những mặt hàng xuất khẩu mới, theo hướng nâng cao hiệu quả xuất khẩu. Chuyên dịch cơ cấu xuất khẩu theo hướng đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng có giá trị gia tăng cao.



- Khách hàng & thị trường: Tiếp tục giữ vững và duy trì quan hệ tốt với khách hàng truyền thống (*Hà Lan, Mỹ, Hàn Quốc và các nước Asean*), nổi lại mối quan hệ với một số khách hàng ở thị trường Trung Quốc, Nhật để xuất khẩu các mặt hàng chế biến khô của Công ty. Không ngừng tìm kiếm khách hàng, mở

rộng thị trường Xuất khẩu ở các nước khu vực: EU, Trung Đông, Châu Á, Asean, Nga ... Phấn đấu mỗi thị trường có ít nhất từ 1 – 2 khách hàng mới

- Chỉ tiêu kim ngạch: Phấn đấu chỉ tiêu kim ngạch xuất khẩu bình quân mỗi năm tăng từ 10 - 15 %/năm.

- Mặt hàng chính: Cá biển, cá nước ngọt cấp đông và chế biến khô. Một số mặt hàng tinh chế cấp đông, và nước mắm, nông sản.

b. Nội địa:

- Hướng đến mục tiêu APT trở thành Nhà cung ứng thực phẩm “*An toàn – Chất lượng và Chuyên nghiệp*”. Xây dựng thương hiệu APT, nâng cao hiệu quả nhận diện thương hiệu, sản phẩm APT thông qua các chương trình quảng cáo hoặc giới thiệu sản phẩm APT đến người tiêu dùng thông qua phương tiện thông tin thông tấn báo chí, đài phát thanh, truyền hình.

- Thị trường: Tiếp tục đẩy mạnh phát triển mạng lưới phân phối, mở rộng thị trường, tăng cường đưa hàng hóa vào các siêu thị Metro/ Big C/ Lotte/ Co.op mart/ Satra mart/ Vissan/ ... , bếp ăn tập thể, khu chế xuất, khu công nghiệp, ... đặc biệt quan tâm đến các kênh chợ truyền thống.

- Mặt hàng chính: Tập trung phát triển các sản phẩm truyền thống APT (*Cá sơ chế các loại; Nước mắm các loại; Sản phẩm cá hộp; Sản phẩm khô; các mặt hàng tinh chế...*). Ngoài ra cần nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới trên cơ sở nhu cầu, xu hướng văn hóa tiêu dùng mới của khách hàng, thị trường.



-Phấn đấu đến 2016, chỉ tiêu doanh thu nội địa đạt tỷ lệ trên 40% trong cơ cấu doanh thu chung của Công ty về hoạt động sản xuất kinh doanh thủy hải sản. Chỉ tiêu lợi nhuận sẽ đạt 50% trong cơ cấu lợi nhuận của sản xuất kinh doanh thủy hải sản.

5.2.2. Chiến lược phát triển kinh doanh

thương mại – dịch vụ

Ngoài việc tập trung phát triển sản xuất kinh doanh thủy hải sản, trong chiến lược phát triển từ 2012 đến năm 2016, Công ty tập trung phát triển mạnh lĩnh vực thương mại dịch vụ như dịch vụ cho thuê kho, cho thuê văn phòng, dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác, kinh doanh ăn uống, nhà hàng,...

5.2.3. Chiến lược phát triển các dự án đầu tư:

a. Thực hiện chương trình đầu tư phục vụ sản xuất chế biến thủy hải sản:

- Thực hiện các dự án đầu tư nâng cấp sửa chữa, mở rộng sản xuất kinh doanh một cách có hiệu quả, duy trì điều kiện sản xuất luôn đạt tiêu chuẩn An toàn vệ sinh thực phẩm, Code xuất khẩu.
- Bên cạnh việc duy tu bảo dưỡng máy móc thiết bị cũ đã xuống cấp, Công ty cần đầu tư trang thiết bị, dây chuyền sản xuất hiện đại nhằm nâng cao năng lực sản xuất, tăng sản lượng, giảm giá thành sản phẩm, đảm bảo tốt chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm.
- Xây dựng Xưởng sản xuất chiết rót nước mắm với trang thiết bị hiện đại đạt tiêu chuẩn xuất khẩu thị trường EU, Châu Á ... tại khu Công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Tp.Hồ Chí Minh.

5.2.4. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực:

Công ty thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực theo hướng:

- Tiếp tục xây dựng hệ thống và bộ máy quản lý hiệu quả, theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, chất lượng và năng động.
- Tăng cường các biện pháp tuyển dụng, thu hút nguồn nhân lực có năng lực từ bên ngoài. Đẩy mạnh công tác đào tạo tại chỗ nguồn nhân lực có tay nghề.
- Có chính sách đãi ngộ nguồn nhân lực, thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

- Xây dựng đội ngũ bán hàng có năng lực và chuyên nghiệp để có thể nắm bắt kịp thời thông tin thị trường cũng như triển khai tốt các chương trình bán hàng nhằm xây dựng và phát triển thương hiệu APT ngày càng lớn mạnh.

6. Các rủi ro:

1. Rủi ro về kinh tế:

Tốc độ tăng trưởng cũng như những nhân tố ảnh hưởng bất lợi cho nền kinh tế toàn cầu đều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Kinh tế thế giới hồi phục, đặc biệt tại các nước nhập khẩu thủy sản, sẽ góp phần cho việc hồi phục và tăng sức tiêu thụ hàng hóa thủy sản và làm tăng doanh số bán và hiệu quả hoạt động của Công ty và ngược lại. Bên cạnh đó, các yếu tố vĩ mô khác trong nước như tốc độ tăng trưởng kinh tế chung của cả nước, lãi suất tiền gửi ngân hàng, tình hình lạm phát v.v... cũng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty và giá cả cổ phiếu của Công ty trên thị trường.

2. Rủi ro về luật pháp:

Về cơ bản, nhà nước có chính sách khuyến khích và hỗ trợ hoạt động nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản. Tuy nhiên, việc ban hành hoặc thay đổi chính sách, quy định mới... liên quan đến hoạt động của ngành có thể ảnh hưởng tới Công ty mà nhà đầu tư phải lưu ý, đặc biệt là các văn bản chuyên ngành liên quan đến thủy sản, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.... Mặt khác, các rủi ro liên quan đến việc thay đổi các quy định liên quan đến an toàn thực phẩm, bảo vệ người tiêu dùng, bảo hộ sản xuất... tại các nước nhập khẩu được điều chỉnh liên tục cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro đối với hoạt động xuất khẩu thủy sản.

Mặt bằng kinh doanh của Công ty chủ yếu là thuê, trong đó có nhiều diện tích được thuê theo hình thức đất trả tiền hàng năm, vì thế trong thời gian tới việc điều chỉnh giá thuê đất của nhà nước sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Công ty đã là Công ty đại chúng theo quy định của Luật chứng khoán nên hoạt động của Công ty còn chịu sự điều chỉnh của các Luật, Nghị định và các văn bản pháp luật khác liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Rủi ro đặc thù:

Rủi ro tỷ giá hối đoái: Tỷ giá hối đoái danh nghĩa giữa VND và các đồng tiền mạnh khác trên thế giới trong thời gian qua mặc dù được kiểm soát nhưng vẫn có những biến động rất thất thường đã gây ra những ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu và thương mại và hoạt động của Công ty cũng không là ngoại lệ. Trong điều kiện thị trường tài chính vẫn chưa phát triển, các công cụ phát sinh bảo hiểm tỷ giá vẫn chưa được áp dụng thì rủi ro về tỷ giá đối với Công ty là một rủi ro mang tính khách quan khó có thể thay đổi hay giảm thiểu.

Rủi ro tài chính: Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty yêu cầu phải có vốn rất lớn. Tuy nhiên, vốn tự có thấp và thiếu vốn lưu động. Vì vậy, các khoản nợ vay của Công ty chiếm tỷ trọng cao trong tổng tài sản, do vậy rủi ro liên quan đến mức biến động lãi suất cho vay và rủi ro thanh khoản cũng hết sức quan trọng mà nhà đầu tư phải chú ý khi xem xét quyết định. Nợ vay ngân hàng chiếm tỷ trọng cao trong tổng tài sản của Công ty vì thế biến động về lãi suất cũng ảnh hưởng lớn đến hiệu quả của Công ty.

Các rủi ro liên quan đến thị trường tiêu thụ: Trong thời gian qua, sản phẩm của Công ty chủ yếu là dành để xuất khẩu nên các biến động của thị trường tại nước nhập khẩu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty và đôi lúc có thể coi là khó có thể phòng ngừa. Công ty chỉ có thể giảm thiểu bằng các biện pháp như đầu tư hiện đại hóa các quy trình sản xuất và nuôi trồng để đáp ứng được các tiêu chuẩn ngày càng khắt khe và thay đổi liên tục của các nước nhập khẩu, đa dạng hóa thị trường, quan tâm nhiều hơn đến việc mở rộng thị trường nội địa...

Rủi ro về nguồn nguyên liệu: Nguồn nguyên liệu thủy sản trong thời gian qua được đánh giá là thiếu ổn định cả về sản lượng và giá cả. Một trong những nguyên nhân của tình trạng này là do việc sản xuất manh mún, thiếu quy hoạch, thiếu sự điều tiết từ phía Nhà nước... Bên cạnh đó sự gắn kết giữa các Doanh nghiệp chế biến và người nuôi trong thời gian không chắc chắn cũng dẫn đến sự không ổn định về nguyên vật liệu cho chế biến. Hiện nay, để giảm thiểu rủi ro này thì APT đã và đang đầu tư vào khâu nuôi trồng để chủ động hơn cho việc chế biến, tuy nhiên ngay cả việc tự tổ chức nuôi trồng thủy sản nguyên liệu thì Công ty cũng có thể gặp các rủi ro liên quan như chi phí thức ăn, thời tiết, chất lượng và sản lượng nuôi trồng...

Rủi ro liên quan đến nhân sự và quản lý: Kinh doanh và chế biến thủy sản là ngành sử dụng nhiều lao động và yêu cầu tay nghề ở mức cao, trình độ tổ chức quản lý, tổ chức sản xuất, quản lý công nợ, quản lý bán hàng... cũng ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động mà nhà đầu tư phải lưu ý khi quyết định đầu tư vào cổ phiếu Công ty.

Rủi về giá trị cổ phần có thể ảnh hưởng do quyết toán phần vốn Nhà nước chưa thực hiện xong: Cho đến thời điểm lập bản công bố thông tin này, mặc dù APT đã hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, tuy nhiên thủ tục bàn giao tại giai đoạn chuyển thể vẫn chưa hoàn tất do nhiều nguyên nhân khách quan. Vì vậy, khi hoàn thành thủ tục quyết toán vốn Nhà nước chính thức thì giá trị doanh nghiệp sẽ có sự thay đổi.

4. Rủi ro khác:

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II-TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

- - - Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2014	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015		
			Số liệu	Tỷ lệ (%)	
				So cùng kỳ năm 2014	So KH năm 2015
A	1	2	3	4 = 3/1	5 = 3/2
Doanh thu	209 tỷ 780 triệu	215 tỷ	223 tỷ 738 triệu	107 %	104 %
<i>Doanh thu (đã trừ doanh thu NB)</i>	<i>176 tỷ 275 triệu</i>	<i>200 tỷ</i>	<i>196 tỷ 772 triệu</i>	<i>112 %</i>	<i>98 %</i>
Kim ngạch XK	4.798.278 USD	4.500.000 USD	5.000.000 USD	104 %	111 %

Tr/dó: XK trực tiếp	3.426.983 USD	3.500.000 USD	3.680.311 USD	107 %	105 %
Lợi nhuận	5 tỷ 150 triệu	6 tỷ	6 tỷ 011 triệu	117 %	101 %
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	5,498 triệu	5 triệu	5,530 triệu	101 %	111 %

(Chỉ tiêu lợi nhuận trên là thuần túy từ kết quả hoạt động kinh doanh, không tính phần phát sinh lỗ của những năm trước đây, lãi phải trả cho Ngân hàng Sacombank và các khoản trích lập dự phòng và hoàn nhập (nếu có)).

TÌNH HÌNH CHUNG

- Năm 2015, tình hình chính trị Thế giới bùng nổ nhiều diễn biến phức tạp như: Nga – Ukraina; IS ở Trung Đông, tình trạng tỵ nạn ở Châu Âu; tình trạng khủng bố ở Thái Lan, Pháp, Anh... và đặc biệt là vấn đề tranh chấp trên Biển Đông. Mặt khác diễn biến tình hình kinh tế trong nước vẫn còn nhiều khó khăn, theo dự báo của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP), tổng giá trị Kim ngạch Xuất khẩu Thủy sản của Việt Nam năm 2015 sẽ có bút phá ngoạn mục và sẽ đạt khoảng 8 tỷ USD, tăng 1,5% so với năm 2014. Tuy nhiên, theo số liệu Tổng kết Xuất khẩu thủy sản Việt Nam 2015, tổng Kim ngạch Thủy sản xuất khẩu cả nước đạt ước giá trị 6,7 tỷ USD, giảm tới 14,5% so với cùng kỳ năm 2014.

- Với việc sụt giảm trên, có những nguyên nhân chính chủ yếu là do sức cầu tại thị trường nhập khẩu còn yếu vì nền kinh tế thế giới phục hồi chậm, dẫn đến thủy sản Việt Nam gặp phải cạnh tranh cao tại hầu hết các thị trường và biến động tỷ giá tiền tệ làm cho tình hình thủy sản bị cuốn trong vòng xoáy giảm giá trên thị trường thế giới suốt từ đầu năm đến nay.

- Thủy sản Việt Nam vẫn phải tiếp tục đối mặt các rào cản kỹ thuật và các biện pháp phòng vệ của nước nhập khẩu.

- Làn sóng mất giá và thả nổi giá nội tệ so với đồng USD ở các thị trường và các nước sản xuất chính khiến cho xuất khẩu thủy sản của Việt Nam khó cạnh tranh hơn tại thị trường nhập khẩu.

- Mặt khác, thời tiết năm 2015 diễn biến phức tạp trên cả nước, mưa lũ lớn tại miền Bắc, hạn hán nặng tại một số tỉnh khu vực Nam Trung Bộ, xâm nhập mặn sâu tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long đã tác động xấu đến sản xuất và đời sống của người dân, khiến cho trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đều bất lợi, sản lượng giảm sút, ảnh hưởng tới tình hình xuất khẩu.

- Thêm vào đó, thủy sản Việt Nam xuất khẩu chủ yếu giao dịch bằng đồng USD, từ đầu năm đến nay, nhiều thị trường xuất khẩu của Việt Nam đã phá giá đồng tiền mạnh mẽ so với đồng USD. Trong khi đó, tỷ giá giữa VNĐ và USD mặc dù đã được Ngân hàng Nhà

nước điều chỉnh nhưng so với mức phá giá đồng tiền mạnh mẽ tại nhiều quốc gia vẫn thấp hơn đáng kể. Điều này khiến cho ngành thủy sản xuất khẩu của Việt Nam trở nên đắt đỏ, kém sức cạnh tranh so với giá bán của nhiều quốc gia khác, như: Thái Lan, Trung Quốc...

- Nhìn chung, trong điều kiện bị ảnh hưởng từ tình hình kinh tế của thế giới cũng như tình hình trong nước, Ban Điều hành cùng tập thể Người Lao động trong Công ty đã cố gắng khắc phục những khó khăn để thực hiện kế hoạch mà HĐQT đã giao từ đầu năm. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện kế hoạch SXKD, Công ty có những khó khăn và thuận lợi nổi bật, cụ thể:

1. Khó khăn:

- Ngoài những khó khăn chung đã nêu trên, Công ty còn có những khó khăn như:
- Thị trường xuất khẩu gặp nhiều khó khăn nhất định về rào cản kỹ thuật, nên các mặt hàng nguyên con còn nội tạng giảm mạnh, hầu hết Khách hàng có xu hướng cấp đông tại chỗ (*ngay tại vùng nguyên liệu*) nhằm giảm chi phí.
- Sức mua của các khách hàng của Công ty ở thị trường Châu Âu như: I.J Frozen Food, Dayseaday, Sea maid....giảm mạnh.
- Sự cạnh tranh của các tập đoàn bán lẻ nước ngoài làm cho tình hình tiêu thụ hàng nội địa của Công ty tiếp tục khó khăn...
- Công ty bị truy thu tiền thuê đất của các năm trước nên gặp không ít khó khăn (*có mặt bằng bị truy thu từ năm 1996*) nên đã ảnh hưởng đến hiệu quả cuối cùng của Công ty.
- Bên cạnh những khó khăn từ khách quan cũng như chủ quan, trong quá trình thực hiện kế hoạch SXKD, Công ty còn có những thuận lợi.

2. Thuận lợi:

- Công ty luôn nhận được sự hỗ trợ từ Quý Cổ đông, được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của Tổng Công ty, HĐQT, BKS, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Ban Điều hành Công ty trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Được sự đồng thuận, đoàn kết cao trong Ban Điều hành và NLĐ trong Công ty.
- Công ty có được những khách hàng lớn, luôn gắn bó hợp tác ổn định, cùng chia sẻ khó khăn với Công ty.
- Người Lao động luôn được Ban Điều hành, các đoàn thể Công ty quan tâm, chăm lo đời sống và tinh thần đến từng NLĐ không để NLĐ nào gặp khó khăn.
- Đội ngũ lao động đã đi vào ổn định và có tính kỷ luật cao, cải tiến cách làm việc, nâng cao vai trò, trách nhiệm của từng cá nhân. Nhìn chung tình hình nhân sự quản lý, công

nhân lao động trực tiếp đáp ứng yêu cầu công việc ngày một tốt hơn, góp phần ổn định sản xuất.

- Thị trường Hàn Quốc tiếp tục có những tín hiệu tốt về tăng trưởng nhanh về sản lượng và Kim ngạch. Kim ngạch xuất cho Mooijer – Hà Lan có tăng nhưng chưa được như mong muốn.

2. Tổ chức và nhân sự

– Danh sách Ban điều hành: Ban Tổng Giám Đốc gồm 04 người bao gồm một Tổng Giám Đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông Trương Tiến Dũng
Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Tri Hiếu
Phó Tổng Giám đốc



Ông Đào Quốc Hải
Phó Tổng Giám đốc



Ông Mai Minh Vương
Phó Tổng Giám đốc

2.1. Ông Trương Tiến Dũng: Tổng Giám đốc

- Sinh ngày: 23/11/1975;
- Quốc tịch: Việt Nam, giới tính: nam ;

- Số lượng cổ phiếu đang sở hữu (đại diện vốn nhà nước): 1.760.198 Cổ phiếu APT, chiếm tỷ lệ: 20% trên tổng số 8.800.000 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn hiện đang lưu hành.

- Trình độ văn hóa: 12/12;

- Trình độ chuyên môn và các văn bằng, chứng chỉ có liên quan: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật, Thạc sĩ Kinh tế.

* Quá trình công tác:

- Từ tháng 06/2000: Nhân viên Phòng Tổ chức Hành chính Xí nghiệp May xuất khẩu Vitexco thuộc Công ty CP XNK TH&ĐT TP.HCM (Imexco);

- Từ tháng 08/2000: Nhân viên Phòng Kế hoạch Xuất nhập khẩu Xí nghiệp May xuất khẩu Vitexco thuộc Công ty Imexco;

- Từ tháng 05/2001: Tổ trưởng Tổ kinh doanh Hàng nội địa thuộc Phòng Kế hoạch Xuất nhập khẩu Xí nghiệp May xuất khẩu Vitexco thuộc Công ty Imexco;

- Từ tháng 10/2003: Phó phòng Tổ chức Hành chính Xí nghiệp May xuất khẩu Vitexco thuộc Công ty Imexco, Bí thư Đoàn Công ty Imexco;

- Từ tháng 07/2005: Phó Giám đốc Chi nhánh Imexco- Bình Thuận;

- Từ tháng 08/2005: Phó Bí thư Đoàn Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn;

- Từ tháng 09/2005: Bí thư Đoàn Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn;

- Từ tháng 10/2005 Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Tổng Công ty Thương Mại SG (SATRA)

- Từ tháng 10/2007 Ủy viên Ban Thường vụ Thành đoàn TP.HCM.

- Từ ngày 15/07/2009 đến nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ SATRA.

2.2. Ông Đào Quốc Hải: Phó Tổng Giám đốc.

- Sinh ngày: 10/12/1954;

- Quốc tịch: Việt Nam, giới tính: nam;

- Số lượng cổ phiếu đang sở hữu: 1.700 Cổ phiếu APT, chiếm tỷ lệ: 0,00019% trên tổng số 8.800.000 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn hiện đang lưu hành.

- Trình độ văn hóa: 12/12;

- Trình độ chuyên môn và các văn bằng, chứng chỉ có liên quan: Cử nhân Kinh tế Thương nghiệp, Cử nhân Kế toán Tài chính Doanh nghiệp.

* Quá trình công tác:

- Từ ngày 01/1996: Nhận công tác tại Công ty Kinh doanh Thủy hải sản Thành phố Hồ Chí Minh;

- Từ ngày 10/05/1996: Quyền Trưởng Phòng Kế toán tài vụ Xí nghiệp Đông lạnh Thắng lợi trực thuộc Công ty APT;

- Từ ngày 02/07/1997: Phó Phòng Kế toán tài vụ Công ty Kinh doanh Thủy hải sản Thành phố Hồ Chí Minh;

- Từ ngày 09/08/1997: Quyền Trưởng Phòng Kế toán tài vụ Công ty Kinh doanh Thủy hải sản Thành phố Hồ Chí Minh;
- Từ ngày 03/03/1998: Trưởng Phòng Kế toán tài vụ Công ty Kinh doanh Thủy hải sản Thành phố Hồ Chí Minh;
- Từ ngày 26/10/2004: Phó Giám đốc Công ty Kinh doanh Thủy hải sản Thành phố Hồ Chí Minh;
- Từ ngày 02/01/2007 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn.

2.3 Ông Nguyễn Tri Hiếu.

- Sinh ngày 23/11/1959;
- Quốc tịch: Việt Nam, giới tính: nam.
- Số lượng cổ phiếu đang sở hữu (*đại diện vốn Nhà nước theo ủy quyền Tổng Công ty TM Sài Gòn TNHH Một thành viên*): 528.000 Cổ phiếu APT, chiếm tỷ lệ: 6% trên tổng số 8.800.000 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn hiện đang lưu hành.
- Trình độ văn hóa: 12/12;
- Trình độ chuyên môn và các văn bằng, chứng chỉ có liên quan: Cử nhân kế hoạch, Thạc Sĩ Quản trị kinh doanh.

* Quá trình công tác:

1977-1981: Bộ đội Quân khu 7 - Chức vụ Trung đội phó, Bí thư Liên Chi đoàn.

1981-1982: Học Dự bị đại học Thành phố Hồ Chí Minh, Bí thư Chi đoàn

1982-1986: Học Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Bí thư Chi đoàn, Ủy viên thường vụ Đoàn khoa Kế hoạch.

1986-1988: Cán bộ Phòng Kế hoạch Công ty Thực phẩm Đông lạnh Sài Gòn- Imexco

1988-1989: Trưởng tuyến phụ trách các trạm thu mua và chế biến Tuy Phong - Thuận Hải thuộc Công ty Thực phẩm Đông lạnh Sài Gòn.

1989-1992: Phó phòng Kế hoạch kinh doanh Xuất nhập khẩu Công ty Thực phẩm Đông lạnh Sài Gòn kiêm Phó Giám đốc Công ty liên doanh Thủy sản Chí Công (liên doanh giữa Công ty Thực phẩm Đông lạnh Sài Gòn với Công ty Thủy sản Tuy Phong - Thuận Hải và Liên hiệp công ty XNK Thủy sản Thuận Hải).

1992-1994: Thành viên Ban thanh lý Công ty Thực phẩm Đông lạnh Sài Gòn.

1994-1997: Phó phòng, Trưởng phòng Kinh doanh XNK Xí nghiệp Đông lạnh I thuộc Công ty Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn.

1997-2004: Phó phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn.

2004-2014: Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty CP Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn.

2014- Nay. Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn.

2.4. Ông Mai Minh Vương: Phó Tổng Giám Đốc

- Sinh ngày: 02/03/1975;
- Quốc tịch: Việt Nam, giới tính: nam.
- Số lượng cổ phiếu đang sở hữu (*đại diện hợp pháp/ đại diện theo ủy quyền của nhóm cổ đông*): 500 Cổ phiếu APT, chiếm tỷ lệ: 0,00568% trên tổng số 8.800.000 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn hiện đang lưu hành.
- Trình độ văn hóa: 12/12;
- Trình độ chuyên môn và các văn bằng, chứng chỉ có liên quan: Kỹ sư Công nghệ Chế biến Thủy sản, Cử nhân Kinh tế.

* Quá trình công tác:

- Từ tháng 02/2000: Công nhân Tổ tiếp nhận Xưởng chế biến;
- Từ tháng 01/2006: Phó Quản đốc Xưởng Đồ hộp thuộc Xí nghiệp Đông lạnh Thắng lợi;
- Từ tháng 08/2006: Phó Quản đốc Xưởng Tân Tạo thuộc Xí nghiệp Đông lạnh Thắng lợi;
- Từ tháng 10/2009: Quản đốc Xưởng Đông lạnh Thắng lợi;
- Từ tháng 10/2011 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn.

2.4. Bà Phạm Nguyệt Ánh: Kế Toán trưởng

- Sinh ngày: 06/09/1964
- Quốc tịch: Việt Nam, giới tính: nữ.
- Số lượng cổ phiếu đang sở hữu (*đại diện hợp pháp/ đại diện theo ủy quyền của nhóm cổ đông*): không.
- Trình độ văn hóa: 12/12;
- Trình độ chuyên môn và các văn bằng, chứng chỉ có liên quan: Cử nhân Tài chính Kế toán.

* Quá trình công tác:

- Từ tháng 01/1995: Nhân viên Kế toán Trạm Kinh doanh Thương mại thuộc Công ty Kinh doanh Thủy hải sản Thành phố Hồ Chí Minh;
- Từ tháng 01/1996: Trưởng Cửa hàng Thương mại Dịch vụ Ăn uống An lạc kiêm Kế toán Cửa hàng trực thuộc Trạm Kinh doanh Thương mại;
- Từ tháng 07/1997: Kế toán Xí Nghiệp Bình Điền thuộc Phòng Kinh doanh Xuất nhập khẩu thuộc Công ty Kinh doanh Thủy hải sản Thành phố Hồ Chí Minh;
- Từ tháng 07/2001: Trưởng phòng Kế toán tài vụ Xí nghiệp Nông Hải Sản;
- Từ tháng 08/2008: Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn kiêm Trưởng phòng Kế toán Xí nghiệp thu mua Cung ứng Nông hải sản Xuất khẩu;
- Từ tháng 08/2009 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn.

-Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có.

-Số lượng Người lao động. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với Người lao động.

Tổng số lao động Công ty tính đến thời điểm 31/12/2015 là 131 người, trong đó:

STT	Phân loại hợp đồng	Số người	Tỷ trọng (%)
I	Phân theo thời hạn hợp đồng:		
1	Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	237	54,9
2	Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 3 tháng đến 36 tháng	168	38,9
3	Lao động thời vụ	26	6,2
II	Phân theo giới tính:		
1	Lao động nam	216	50,1
2	Lao động nữ	215	49,9
III	Phân theo trình độ:		
1	Sau đại học, đại học	57	13,2
2	Cao đẳng, trung học chuyên nghiệp	49	11,3
3	CNKT và trình độ khác	235	75,5

Nguồn: P.TCHC APT

❖ Chế độ làm việc và chính sách lương thưởng, trợ cấp cho Người lao động

a. Chính sách đào tạo:

Đào tạo bên trong: được tổ chức tại Công ty với hình thức đào tạo là ngắn hạn và tập trung. Nội dung đào tạo là nâng bậc tay nghề, quản lý sản xuất, quản lý chất lượng; Đối tượng đào tạo: KCS, cán bộ từ tổ phó trở lên, công nhân.

Đào tạo bên ngoài: Gửi đi đào tạo tại các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp; Hình thức đào tạo: dài hạn, ngắn hạn; Nội dung đào tạo: chế biến thủy sản, tài chính kế toán, quản trị kinh doanh, quản lý chất lượng; Đối tượng đào tạo: Cán bộ quản lý, nhân viên các Phòng ban, KCS. Toàn bộ kinh phí đào tạo do Công ty đài thọ.

Đến nay hầu hết cán bộ quản lý tại các Phòng ban, Xưởng đều đã học qua các khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Việc đào tạo được tiến hành kết hợp song song với việc tích cực áp dụng hệ thống quản lý chất lượng HACCP, SSOP.

b. Chính sách tiền lương, thưởng:

Tiền lương: Được trả trực tiếp cho người lao động, gồm: Công nhân trực tiếp sản xuất; được trả lương theo sản phẩm làm ra. Cán bộ quản lý, nhân viên văn phòng: được trả lương theo hệ số do Công ty ban hành.

Chế độ ngoài lương chính: Làm thêm giờ, làm thêm ngày chủ nhật, tiền ăn giữa ca, nghỉ phép, nghỉ lễ ...: theo Luật lao động.

Thưởng: Công ty áp dụng chính sách thưởng định kỳ vào cuối năm và thưởng đột xuất: Áp dụng đối với các trường hợp có thành tích xuất sắc trong sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm. mức thưởng căn cứ vào thành tích và hiệu quả mang lại.

c. Chính sách trợ cấp:

Công ty trợ cấp đột xuất cho các trường hợp người lao động bị bệnh hiểm nghèo, tai nạn lao động, thiên tai hỏa hoạn, Công ty xét trợ cấp trên cơ sở đề nghị của Ban Chấp hành Công đoàn.

3 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn: Không có

b) Các Công ty con, Công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết). Không có.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm/
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>			
Tổng giá trị tài sản	133.365.969.842	148.097.741.668	111,05%
Doanh thu thuần	175.927.694.943	193.779.419.991	110.15%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-28.697.405.368	-109.582.348.2115	
Lợi nhuận khác	- 277.179.786	- 230.316.902	
Lợi nhuận trước thuế	-28.974.585.154	- 109.812.665.117	
Lợi nhuận sau thuế	- 28.974.585.154	-109.812.665.117	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ + Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i> : Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,136	0,177	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	2,300		
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ/Tổng tài sản + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	3,206 -1,453	3,728 -1,366	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			

+ Vòng quay hàng tồn kho	5,13	6,726	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân.			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,319	1,308	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-0,165	-0,567	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,098	0,272	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-0,217	-0,741	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-0,163	-0,565	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: 8.800.000 cổ phần trong đó có 505.600 cổ phần hạn chế chuyển nhượng, tất cả số cổ phần trên đều là cổ phần phổ thông..

b) Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2015

Danh mục	Trong nước		Nước ngoài		Tổng cộng	
	Số cổ phần	%	Số cổ phần	%	Số cổ phần	%
Vốn nhà nước do Tổng công ty Thương mại Sài Gòn – Satra làm đại diện	2.640.198	30	-	-	2.640.198	30
Ông Trần Phát Minh	3.207.602	36,45	-	-	3.207.602	36,45
Cổ đông nội bộ (155 người)	430.800	4,9			430.800	4,9
Cổ đông bên ngoài (278 người)	2.521.400	28,65	-	-	2.521.400	28,65
Tổng cộng	8.800.000	100,00	-	-	8.800.000	100,00

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

7.870.000 KWh

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

75.600 m³

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Nước cấp KCN Tân Tạo: 28.080 m³

Nước giếng 47.520m³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty.

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

Những mặt làm được:

- **Công tác điều hành:**

- Trước tình hình khó khăn như đã nêu trên nhưng Ban Lãnh đạo đã cố gắng điều hành Công ty đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2015 đã đề ra từ đầu năm.

- Ban Tổng Giám đốc đã quyết liệt xây dựng Cơ cấu tổ chức của Công ty được sắp xếp hợp lý, Các phòng ban nghiệp vụ, các đơn vị hoạt động theo quy chế phân cấp tổ chức và điều hành một cách rõ ràng. Hệ thống các quy định, quy chế quản lý nội bộ luôn được sửa đổi, bổ sung phù hợp với hoạt động của Công ty theo từng thời kỳ.

- Công ty đã kiểm soát tốt công nợ phát sinh, không để công nợ tồn đọng kéo dài.

- Từ những chính sách quan tâm, chăm sóc tốt của Ban Điều hành cũng như tạo môi trường làm việc thân thiện, ấm áp và việc áp dụng các chính sách thanh toán tiền lương, tiền thưởng khuyến khích đã tạo cho Người Lao động thêm yên tâm gắn bó với Công ty.

- Ban Điều hành Công ty đã tạo mọi điều kiện để các Đoàn thể, NLD thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, được tham gia các hoạt động phong trào của Công ty, tạo sự đồng thuận, đoàn kết, nhất trí trong toàn Công ty.

- Đã điều chỉnh chính lương 5-8% cho Người Lao động toàn Công ty.

- **Công tác sản xuất:**

- Qua kết quả năm 2015, doanh thu của Bộ phận đã tăng hơn so với cùng kỳ 2014, cho thấy đây cũng là một nỗ lực lớn của Bộ phận Sản xuất, đã tạo được công ăn việc làm, ổn định và từng bước nâng cao đời sống vật chất cho người lao động trong Công ty.



- Đã điều chỉnh tăng đơn giá gia công 8-10% từ ngày 01/5/2015 để bù đắp vào chi phí điện năng tăng từ 16/3/2015.

- Tạo mọi điều kiện cũng như có những chính sách ưu đãi, thu hút để một số Khách hàng lớn an tâm, gắn bó và duy trì tình hình sản xuất cùng Công ty.

- Giữa Bộ phận theo dõi sản xuất và Ban Điều hành của Xưởng

luôn phối hợp chặt chẽ về tiến độ thực hiện kế hoạch sản xuất.

- **Công tác xuất khẩu:**

- Tiếp tục duy trì được một số khách hàng xuất khẩu truyền thống, trong đó khách hàng Goeun - Hàn Quốc với sức mua tăng.

- So với cùng kỳ năm 2014, có sự tăng trưởng về Kim ngạch xuất khẩu, trong đó Kim ngạch xuất khẩu trực tiếp tăng 107% cùng kỳ 2014. Đặc biệt, khách hàng Goeun - Hàn Quốc tăng 130% cùng kỳ 2014.

- **Công tác nuôi trồng:**

- Mặc dù trong điều kiện khí hậu không thuận lợi nhưng bộ phận Nuôi trồng vẫn duy trì định mức nuôi theo đúng kế hoạch đề ra, góp phần tích cực nguồn nguyên liệu đầu vào

cho công tác xuất khẩu được chủ động hơn cũng như cung cấp sản phẩm tươi sống cho thị trường nội địa.

- **Công tác kinh doanh nội địa:**

- Trước tình hình sức mua vẫn ở mức thấp, mức chiết khấu cao, tổng mức bán lẻ có chuyển biến nhưng vẫn chưa cao, nhưng tình hình doanh thu, hiệu quả năm 2015 có cải thiện hơn so với cùng kỳ ... Công ty đã đề ra những biện pháp và mang lại một số kết quả, cụ thể:

- Đã đưa “**chuỗi thực phẩm an toàn**” hàng tươi sống vào thị trường hệ thống Coop.



- Đưa một số những sản phẩm mới vào hệ thống siêu thị: Chả cá miếng, Khô cá Bống.

- So với năm 2014, qua năm 2015 đã phát triển thêm được 23 Cửa hàng của Satrafood, 02 Cửa hàng Big C, 01 Cửa hàng Vinmart.

- Các chương trình khuyến mãi, Sampling cho các hệ thống siêu thị trong thành phố và các tỉnh

miền Tây, nhằm quảng cáo thương hiệu APT đã đến trực tiếp người tiêu dùng.

- Chất lượng sản phẩm hàng hóa, mẫu mã bao bì các sản phẩm được củng cố, ổn định đã thu hút được nhiều người tiêu dùng biết về sản phẩm APT.

- Công tác chăm sóc khách hàng được theo dõi thường xuyên, chu đáo, chất lượng hàng hóa được đáp ứng nhu cầu thị trường, vấn đề giao nhận hàng hóa cho khách được kịp thời.

- Tham gia nhiều Chương trình phát triển thị trường nhằm quảng bá thương hiệu APT, đặc biệt đến nay hàng hóa của Công ty đã có mặt trên khắp các hệ thống của TCT – Satramart.

- **Công tác tổ chức:**

Thực hiện tham mưu cho Ban Điều hành sắp xếp tinh gọn lại bộ máy gián tiếp của khối văn phòng, điều chuyển cán bộ quản lý, điều hành hợp lý hơn cho các Đơn vị, Xưởng trực thuộc.

- **Công tác đầu tư – sửa chữa:**

Công ty tiếp tục mạnh dạn đầu tư, nâng cấp và bổ sung máy móc, nhà xưởng bảo đảm duy trì điều kiện sản xuất đạt tiêu chuẩn Code châu Âu và ATVSTP. Định hướng đúng đắn để chuyển đổi cơ cấu sản xuất, đa dạng hoá sản phẩm phát triển thị trường và thương hiệu APT.

Công tác bảo trì sửa chữa máy móc thiết bị kịp thời bảo đảm hoạt động ổn định tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất.

- **Công tác Đoàn thể - Chăm lo đời sống:**

Mặc dù còn rất nhiều khó khăn về mọi mặt, nhưng Ban điều hành Công ty đã luôn luôn động viên tư tưởng cho người lao động an tâm gắn bó và làm việc hết mình vì sự tồn tại của Công ty. Ban điều hành, Đảng ủy, các đoàn thể và tập thể người lao động đã đoàn kết cùng Công ty vượt qua khó khăn thực hiện hoàn thành những chỉ tiêu của kế hoạch 2015 về doanh thu, lợi nhuận và thu nhập bình quân của người lao động, đồng thời với biện pháp quản lý chặt chẽ chi phí, định mức tiêu hao nguyên vật liệu, nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí tại đơn vị, phần lớn các chi phí như vật dụng, công cụ, dụng cụ, sửa chữa, vật tư, bao bì đều giảm hơn so với cùng kỳ nên chỉ tiêu lợi nhuận và thu nhập của người lao động đều vượt so với kế hoạch. Một số hoạt động trong năm 2015:

- Đảng bộ đã tổ chức Đại hội Đảng bộ Công ty NK 2015-2020 thành công tốt đẹp.



- Nhân các ngày Lễ lớn tổ chức tuyên truyền “*Kỷ niệm 40 năm ngày giải phóng Miền nam, thống nhất đất nước 30/4/1975 -30/4/2015*”, “*Kỷ niệm 70 năm CMT8 và Quốc khánh 2/9*”,...

- Tổ chức đóng góp ý kiến về xây dựng Dự thảo Văn kiện Đảng bộ Thành phố Nhiệm kỳ 2015-2020.



- Phát động phong trào ủng hộ *“Satra vì biển đảo quê hương”* năm 2015, với số tiền đóng góp **trên 28 triệu đồng**.

- Tổ chức Chương trình *“Giờ thứ 9”* nhằm trang bị thêm kiến thức về phòng chống HIV, tuyên truyền biển đảo, bình đẳng giới với hơn **90 đoàn viên công đoàn tham dự**.

- Phát động phong trào *“90 ngày nước rút hoàn thành kế hoạch năm 2015”*.

- Tổ chức Lễ trao học bổng Nguyễn Đức Cảnh, khen thưởng các cháu có thành tích trong học tập với số tiền là **47.000.000 đồng**.

- Tổng kết cuối năm Công đoàn kết hợp với chính quyền tổ chức cho toàn thể người lao động rút thăm trúng thưởng, chương trình văn nghệ, liên hoan thân mật. Tổng chi phí chăm lo tết cho người lao động trên **500.000.000 đồng**.

- Chăm lo tặng quà cho toàn thể người lao động nhân dịp Tết dương lịch, Giỗ tổ Hùng Vương, Lễ 30/4, 2/9, Tết trung thu, 20/10, 22/12 với số tiền trên 01 tỷ đồng.



- Tổ chức cho toàn thể người lao động (400 người) tham quan nghỉ mát tại Nha Trang với số tiền trên 700.000.000đồng.



Những mặt hạn chế:

- Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD về chỉ tiêu doanh thu năm 2015 (sau khi trừ doanh thu nội bộ) chưa đạt so với kế hoạch đã đề ra.
- Lực lượng công nhân lành nghề thiếu nhiều do nghỉ hưu và nghỉ việc, Công ty chưa đào tạo được lực lượng để bổ sung kịp thời.
- Thiếu nguồn nguyên liệu nguyên con đầu vào, việc cạnh tranh mua gay gắt nên giá cả tăng trong khi giá xuất khẩu không thay đổi. Bộ phận theo dõi vẫn chưa tìm thêm được nguồn hàng cung ứng khác thay thế kịp thời. Việc chủ động thu mua, tìm kiếm nguồn nguyên liệu "sạch" vẫn chưa đáp ứng theo kịp yêu cầu tiêu chuẩn xuất khẩu.
- Trên cơ sở những khách hàng cũ, Công ty có khai thác thêm một số khách hàng mới nhưng chưa bền vững và giá trị xuất không cao.
- Kế hoạch xây dựng nhà xưởng Nước Mắm tại Tân Tạo chậm tiến độ do phải chờ một số thủ tục, thông tư hướng dẫn về môi trường và phải khảo sát kỹ địa hình. Hiện nay đã hoàn thành thủ tục để xin phép xây dựng và đang lập dự án khả thi trình Ban Điều hành phê duyệt.
- Tình hình máy móc thiết bị hoạt động được đầu tư đã lâu (trên 10 năm) nên bị xuống cấp phải sửa chữa nhiều hơn, mặc dù đã sửa chữa nhưng công suất hoạt động vẫn không đạt như hiệu suất ban đầu, chi phí vận hành cao, dẫn đến hiệu quả cuối cùng thấp.

- Ngoài những nguyên nhân trên, việc truy thu tiền thuê đất đã ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả chung của toàn Công ty.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

- Công ty đã kiểm soát tốt tình hình công nợ phát sinh, không để công nợ tồn đọng kéo dài. Đơn đốc thu hồi công nợ khó đòi cũ.

- Quản lý tốt luân chuyển hàng hóa tồn kho, hạn chế phát sinh hàng tồn kho lâu ngày, kém và mất phẩm chất.

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ

Trong năm 2015 có biến động lớn về khoản nợ phải trả ngắn hạn, tăng 124.456.066.943 đ, trong đó khoản mục vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng 88.311.620.000đ, là khoản chênh lệch tỷ giá vàng do đánh giá lại khoản vay bằng vàng SJC theo tỷ giá tại thời điểm 31/12/2015.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Công tác tái cấu trúc Công ty:

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành Công ty đeo bám



thực hiện công tác tái cấu trúc Công ty, cũng như công tác quyết toán giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước nhưng đến nay vẫn chưa hoàn thành xong do phải chờ kết luận cuối cùng của Cơ quan điều tra, bên cạnh đó các cơ quan ban ngành có nhiều thay đổi về nhân sự cũng là một trong những khó khăn ảnh hưởng đến công tác tái cấu trúc Công ty.

- Công tác hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

Hội đồng Quản trị luôn theo sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như nắm bắt diễn biến thị trường trong và ngoài nước để kịp thời chỉ đạo Ban Điều hành Công ty vượt qua khó khăn, thực hiện hoàn thành kế hoạch năm 2015 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên giao cho.

Trong năm 2015, Nhà nước tiến hành truy thu tiền thuê đất đối với các mặt bằng hiện hữu của Công ty. Trong đó, có những mặt bằng bị truy thu từ thời kỳ những năm 90 đã gây khó khăn rất lớn đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Trước tình hình trên, Hội đồng Quản trị cũng đã chỉ đạo Ban Tổng giám đốc tiến hành rà soát, có văn bản đề nghị các cơ quan chức năng xem xét hoãn, giãn tiến độ nộp phần tiền truy thu chênh lệch.

- Về công tác thu hồi công nợ:

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục thúc đẩy các vụ kiện đòi nợ, yêu cầu các đối tượng phải thi hành án đối với các bản án đã có hiệu lực của Tòa án:

- Về công tác khởi kiện: Tiếp tục đeo bám 10 vụ đã khởi kiện trước đây và Tòa án đã ra quyết định hòa giải thành 03 vụ, các vụ việc còn lại hầu hết đã có thời gian nộp đơn khởi kiện trên 03 năm. Tuy nhiên, tiến độ giải quyết khá chậm, một phần do phải chờ xác nhận của cơ quan điều tra là không khởi tố hình sự, một phần do nguyên nhân chủ quan của thời kỳ trước đây như thiếu chứng cứ, hồ sơ thiếu chặt chẽ, không lưu giữ đầy đủ hoặc do các đối tượng bị kiện trước đây là nhân viên Công ty đã không giao hồ sơ chứng từ về Công ty, hủy bỏ các chứng cứ bất lợi cho mình và chỉ nộp những chứng cứ có lợi cho Tòa án.

- Về Công tác thi hành án: Hiện có 15 hồ sơ đang yêu cầu thi hành án nhưng có 09 vụ cơ quan thi hành án đã trả đơn. Công tác thi hành án ngày càng khó khăn do các đối tượng phải thi hành án không có nơi cư trú ổn định, không còn tài sản hoặc tài sản đã thế chấp đảm bảo vay vốn Ngân hàng nên khi phát mãi Ngân hàng được ưu tiên thu hồi nợ, đối tượng là doanh nghiệp ở nước ngoài thì không có địa chỉ hoặc đã phá sản, giải thể. Trước những khó khăn trên, Công ty đã sử dụng nhiều biện pháp và chi phí để truy tìm tài sản, địa chỉ của đối tượng phải thi hành án để cung cấp cho cơ quan thi hành án nhưng vẫn không có hiệu quả. Do vậy, Số tiền thu được trong năm 2015 là 397.645.788 đồng. Dự kiến đầu năm 2016 có khả năng thu thêm khoảng 509 triệu đồng.

- Những việc chưa làm được:

Tuy có nhiều cố gắng, nỗ lực nhưng Hội đồng quản trị Công ty vẫn chưa thực hiện được việc phát hành Cổ phiếu tăng vốn điều lệ và hoàn tất quá trình tái cấu trúc Công ty. Do bị ảnh hưởng bởi những nguyên nhân khách quan như việc đàm phán chuyển nợ vay thành vốn góp bị chậm lại là do Ngân hàng TMCP Phương Nam sáp nhập vào Ngân hàng Sacombank, nên phải chờ Sacombank ổn định cơ cấu, nhân sự và tiến hành thẩm định lại tính khả thi của phương án chuyển nợ vay thành vốn góp; Việc điều chỉnh điều

lệ cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2014 chưa hoàn thành xong do chờ các văn bản hướng dẫn dưới luật cũng như các văn bản của các bộ luật khác có liên quan.

2. Đánh giá về Ban Tổng Giám đốc.



Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng các chủ trương, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty đề ra, đã có nhiều cố gắng điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty, hoàn thành được chỉ tiêu kế hoạch năm 2015 do Đại hội đồng cổ đông giao cho

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị:

3.1. Chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh Thủy hải sản:

- Phân đầu tăng tỉ lệ sản xuất phục vụ xuất khẩu lên 30- 40% công suất nhà máy.



- Đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng có lợi thế cạnh tranh, tích cực phát triển các mặt hàng có tiềm năng thành những mặt hàng xuất khẩu mới, theo hướng nâng cao hiệu quả xuất khẩu. Chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo hướng đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng có giá trị gia tăng cao.

- Khách hàng & thị trường: Không ngừng tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường xuất khẩu ở các nước khu vực: EU, Trung Đông, Châu Á, Asean, Nga... Phân đầu mỗi thị trường có ít nhất từ 1- 2 khách hàng mới.

- Mặt hàng chính: Cá biển, cá nước ngọt cấp đông và chế biến khô. Một số mặt hàng tinh chế cấp đông, và nước mắm, hàng nông sản.

3.2. Kinh doanh Nội địa:

- Hướng đến mục tiêu APT trở thành nhà cung ứng thực phẩm “An toàn –



Chất lượng và Chuyên nghiệp”. Xây dựng thương hiệu APT, nâng cao hiệu quả nhận diện thương hiệu, sản phẩm APT.

3.3. Chiến lược phát triển kinh doanh thương mại – dịch vụ

Ngoài việc tập trung phát triển sản xuất kinh doanh thủy hải sản, trong chiến lược phát triển từ 2012 đến năm 2016, Công ty tập trung phát triển mạnh lĩnh vực thương mại dịch vụ như dịch vụ cho thuê kho, cho thuê văn phòng, dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác, kinh doanh ăn uống, nhà hàng, ...vv

3.4. Thực hiện chương trình đầu tư phục vụ sản xuất chế biến thủy hải sản:

- Thực hiện các dự án đầu tư nâng cấp sửa chữa, mở rộng SXKD một cách có hiệu quả, duy trì điều kiện sản xuất luôn đạt tiêu chuẩn An toàn vệ sinh thực phẩm, Code xuất khẩu.
- Thực hiện đầu tư xưởng Nước mắm nhằm tăng năng suất, chất lượng.

3.5. Chương trình đầu tư và kinh doanh tại các mặt bằng Công ty xin mua chỉ định:

- Để thực hiện chương trình đầu tư xây dựng các dự án tại các mặt bằng xin mua chỉ định, Công ty sẽ làm đầy đủ các thủ tục để được mua quyền sử dụng đất sau khi phương án tái cấu trúc, phát hành tăng vốn Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê duyệt cho phát hành.

3.6. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực:

Công ty thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực theo hướng:

- Tiếp tục xây dựng hệ thống và bộ máy quản lý hiệu quả, theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, chất lượng và năng động.



- Tăng cường các biện pháp tuyển dụng, thu hút nguồn nhân lực có năng lực từ bên ngoài. Đẩy mạnh công tác đào tạo tại chỗ nguồn nhân lực có tay nghề.

- Có chính sách đãi ngộ nguồn nhân lực, thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

- Xây dựng đội ngũ bán hàng có năng lực và

chuyên nghiệp để có thể nắm bắt kịp thời thông tin thị trường cũng như triển khai tốt các chương trình bán hàng nhằm xây dựng và phát triển thương hiệu APT ngày càng lớn mạnh.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1.-Hội đồng quản trị:

1.1-Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:



Sau Đại hội Cổ đông thường niên 2012, các thành viên HĐQT nhiệm kỳ II (2012-2016) được bầu đến nay theo danh sách như sau:

1. Ông Trần Phát Minh - Chủ tịch HĐQT.

- Thành viên không điều hành.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 3.207.602 Cổ phần chiếm tỷ lệ 36,45%.

2. Ông Trương Tiến Dũng - Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 1.760.198 Cổ phần (đại diện vốn Nhà nước) chiếm tỷ lệ 20%.

3. Ông Nguyễn Lâm Vinh Huy - Thành viên HĐQT

- Thành viên không điều hành.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%.

1.2-Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

1. Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ II (2012-2016) được Đại hội Cổ đông thường niên năm 2012 bầu ra ngày 17/03/2012 gồm 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên không trực tiếp điều hành. Việc thông tin, trao đổi tình hình giữa các thành viên trong năm vừa qua luôn kịp thời, minh bạch rõ ràng, phục vụ tốt cho việc hoạch định chủ trương, chính sách cũng như tạo sự đoàn kết, gắn bó trong Hội đồng quản trị.

2. Trong năm 2015, Hội đồng quản trị Công ty đã họp thường lệ 06 phiên để quyết định những vấn đề quan trọng, cấp bách liên quan đến công tác quản trị, điều hành của Công ty.

Sau đây là một số quyết định quan trọng đã được Hội đồng quản trị Công ty thông qua bằng Nghị quyết:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chính
01	03/NQ-HĐQT-2015	10/3/2015	Tổ chức Đại Hội Cổ đông Thường niên 2015
02	07/NQ-HĐQT-2015	02/4/2015	Kết quả hoạt động KD Quý I/2015, Thông qua báo cáo kiểm toán 2014..vv
03	11/NQ-HĐQT-2015	19/5/2015	Sắp xếp lại một số phòng ban
04	17/NQ-HĐQT-2015	09/7/2015	Kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm, Kế hoạch 6 tháng cuối năm 2015, điều chỉnh tiền lương NLĐ, Xây dựng xưởng nước mắm tại KCN Tân Tạo...vv
05	19/NQ-HĐQT-2015	24/8/2015	Ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký phương án giải quyết nợ Ngân hàng Phương Nam.
06	20/NQ-HĐQT-2015	12/10/2015	Chọn đơn vị tư vấn, nghiên cứu giao dịch cổ phiếu tại UPCOM
07	22/NQ-HĐQT-2015	11/11/2015	Phê duyệt Kế hoạch SXKD 2016
08	24/NQ-HĐQT-2015	23/12/2015	Bổ nhiệm Kế toán trưởng mới, Giải quyết công nợ..vv

2. Ban Kiểm soát

2.1-Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

(Danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).



1. Bà Đỗ Ngọc Nga - Trưởng Ban Kiểm soát.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

2. Ông Nguyễn Bảo Sơn - Thành viên Ban Kiểm soát.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 04% (Đại

diện vốn nhà nước).

3. Ông Phan Minh Thắng – Thành viên Ban Kiểm soát.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%.

2. 2-Hoạt động của Ban kiểm soát:

(Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty trong quá trình quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Tham dự đầy đủ và tham gia đóng góp ý kiến tại các cuộc họp của HĐQT; các cuộc họp của Ban Kiểm Soát, Kiểm tra và giám sát việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

- Tham gia đóng góp ý kiến về Phương Án chuyển nợ vay thành vốn góp cổ phần vào Công ty Cổ Phần kinh doanh thủy hải sản Sài Gòn

- Kiểm soát việc xây dựng và thực hiện các Quy chế, Quy định của Công ty. Việc ban hành các qui chế, qui định nội bộ được thực hiện chặt chẽ, căn trọng trên cơ sở thực tiễn doanh nghiệp và phù hợp với qui định của pháp luật.

- Ban Kiểm soát đã hoạt động khách quan, trung thực, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, chế độ chính sách của Nhà nước, Điều lệ của Công ty và các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông

3-Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: Không có

a) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

b) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

c) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Công ty đã ban hành Quy chế quản trị Công ty.

VI-Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến của kiểm toán.

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn được lập ngày 25 tháng 01 năm 2016, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích

hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến thời điểm 31/12/2015 Công ty đang lỗ lũy kế là 493.909.331.871 VND làm âm nguồn vốn chủ sở hữu 404.077.509.570 VND và các khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 452.682.984.856 VND. Các dấu hiệu này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính năm 2015 vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục dựa trên các cam kết của Ban Tổng Giám đốc như trình bày tại Thuyết minh số 1. Khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ phụ thuộc vào sự hỗ trợ của các chủ sở hữu cũng như sự chấp thuận của ngân hàng trong việc tái cơ cấu vốn vay và kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu của Công ty trong thời gian tới.

Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán các khoản nợ khó đòi chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ bao gồm: nợ phải thu khách hàng là 71.889.521.917 VND; công nợ trả trước cho người bán là 5.650.000.000 VND và nợ phải thu khác là 33.864.021.867 VND. Toàn bộ số công nợ này đã được trích lập dự phòng 100%. (Chi tiết xem tại Thuyết minh số 5 và 6). Với các thủ tục đã thực hiện, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính.

Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty đang theo dõi trên khoản mục Phải trả, phải nộp khác một số khoản công nợ phát sinh từ giai đoạn Công ty Nhà nước trước cổ phần hóa với tổng số dư là 4.682.309.260 VND đang chờ quyết toán chưa được đối chiếu, xác nhận (chi tiết xem tại Thuyết minh số 17). Với các thủ tục đã thực hiện, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 1 trong Bản Thuyết minh báo cáo tài chính trong đó mô tả tại thời điểm 31/12/2015, Công ty đã thực hiện đánh giá lại khoản nợ vay Ngân hàng TMCP Phương Nam - Chi nhánh Chợ Lớn 5.833 lượng vàng SJC theo giá niêm yết của ngân hàng cho vay.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI
SÀI GÒN**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 33
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn tiền thân là Công ty Kinh doanh Thủy hải sản trực thuộc Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Kinh doanh Thủy hải sản theo Quyết định số 2399/QĐ-UBND ngày 26 tháng 05 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103005759 đăng ký lần đầu ngày 20/12/2006 và thay đổi lần thứ sáu ngày 07/09/2012 (thay đổi đăng ký kinh doanh sang số 0300523755) do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Lô 4-6-8 Đường số 1A, KCN Tân Tạo, Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Phát Minh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Lâm Vinh Huy	Ủy viên
Ông Trương Tiến Dũng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trương Tiến Dũng	Tổng Giám đốc	
Ông Đào Quốc Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Mai Minh Vương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tri Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Đoàn Thị Thu Hà	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01/01/2016
Bà Phạm Nguyệt Ánh	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 01/01/2016

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đỗ Ngọc Nga	Trưởng ban
Ông Phan Minh Thắng	Thành viên
Ông Nguyễn Bảo Sơn	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trương Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2016



Số: 434 /2016/BC.KTTC-AASC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn được lập ngày 25 tháng 01 năm 2016, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến thời điểm 31/12/2015 Công ty đang lỗ lũy kế là 493.909.331.871 VND làm âm nguồn vốn chủ sở hữu 404.077.509.570 VND và các khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 452.682.984.856 VND. Các dấu hiệu này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính năm 2015 vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục dựa trên các cam kết của Ban Tổng Giám đốc như trình bày tại Thuyết minh số 1. Khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ phụ thuộc vào sự hỗ trợ của các chủ sở hữu cũng như sự chấp thuận của ngân hàng trong việc tái cơ cấu vốn vay và kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu của Công ty trong thời gian tới.

Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán các khoản nợ khó đòi chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ bao gồm: nợ phải thu khách hàng là 71.889.521.917 VND; công nợ trả trước cho người bán là 5.650.000.000 VND và nợ phải thu khác là 33.864.021.867 VND. Toàn bộ số công nợ này đã được trích lập dự phòng 100%. (Chi tiết xem tại Thuyết minh số 5 và 6). Với các thủ tục đã thực hiện, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính.

Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty đang theo dõi trên khoản mục Phải trả, phải nộp khác một số khoản công nợ phát sinh từ giai đoạn Công ty Nhà nước trước cổ phần hóa với tổng số dư là 4.682.309.260 VND đang chờ quyết toán chưa được đối chiếu, xác nhận (chi tiết xem tại Thuyết minh số 17). Với các thủ tục đã thực hiện, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 1 trong Bản Thuyết minh báo cáo tài chính trong đó mô tả tại thời điểm 31/12/2015, Công ty đã thực hiện đánh giá lại khoản nợ vay Ngân hàng TMCP Phương Nam - Chi nhánh Chợ Lớn 5.833 lượng vàng SJC theo giá niêm yết của ngân hàng cho vay.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được Kiểm toán viên đưa ra ý kiến ngoại trừ do ảnh hưởng của các vấn đề sau:

- Khả năng hoạt động liên tục của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 bị ảnh hưởng bởi khoản lỗ lũy kế là 384.096.666.754 VND các khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 347.881.792.555 VND.
- Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán các khoản nợ khó đòi chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ.
- Một số khoản công nợ phải trả phát sinh ở giai đoạn Công ty Nhà nước trước cổ phần hóa đang chờ quyết toán nên không có đối chiếu.

Các vấn đề trên vẫn được Kiểm toán viên tiếp tục nêu Ý kiến ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Quốc Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0285-2013-002-1
Tp. Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2016

Trần Trung Hiếu
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2202-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		97.808.646.382	78.153.771.740
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	19.391.138.826	18.406.809.733
111	1. Tiền		19.391.138.826	8.406.809.733
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	10.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	39.500.000.000	20.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		39.500.000.000	20.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		18.759.424.936	13.915.529.706
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	86.872.908.152	84.108.211.990
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		5.896.224.805	5.653.385.251
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	37.393.835.763	35.911.488.926
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(111.403.543.784)	(111.836.109.788)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	78.553.327
140	IV. Hàng tồn kho	8	19.776.481.797	25.316.533.285
141	1. Hàng tồn kho		19.933.376.526	26.073.741.974
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(156.894.729)	(757.208.689)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		381.600.823	514.899.016
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	88.087.996	253.976.833
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		89.412.471	56.821.827
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	204.100.356	204.100.356
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		50.289.095.286	55.212.198.102
220	II. Tài sản cố định		33.375.937.416	37.730.152.166
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	33.375.937.416	37.643.153.265
222	- Nguyên giá		95.981.268.636	96.953.251.832
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(62.605.331.220)	(59.310.098.567)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	-	86.998.901
228	- Nguyên giá		365.560.000	365.560.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(365.560.000)	(278.561.099)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		16.913.157.870	17.482.045.936
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	16.867.060.370	17.395.948.436
268	2. Tài sản dài hạn khác	12	46.097.500	86.097.500
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		148.097.741.668	133.365.969.842

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		552.175.251.238	427.630.814.295
310	I. Nợ ngắn hạn		550.491.631.238	426.035.564.295
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	8.065.944.308	2.709.332.552
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.877.274.826	1.093.941.855
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	711.786.539	185.163.618
314	4. Phải trả người lao động		5.623.690.292	5.225.363.230
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	235.674.191	398.558.536
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	685.912.500	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	238.952.203.538	210.395.679.460
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	294.322.400.000	206.010.780.000
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		16.745.044	16.745.044
330	II. Nợ dài hạn		1.683.620.000	1.595.250.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	1.683.620.000	1.595.250.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		(404.077.509.570)	(294.264.844.453)
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	(404.077.509.570)	(294.264.844.453)
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		88.000.000.000	88.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		88.000.000.000	88.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		1.831.822.301	1.831.822.301
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(493.909.331.871)	(384.096.666.754)
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		(384.096.666.754)	(355.122.081.600)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		(109.812.665.117)	(28.974.585.154)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		148.097.741.668	133.365.969.842


Đoàn Thị Thu Hà
Người lập
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2016


Đoàn Thị Thu Hà
Kế toán trưởng


Trương Tiến Dũng
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2015

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	196.772.628.778	176.711.049.741
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	2.993.208.787	783.354.798
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		193.779.419.991	175.927.694.943
11	4. Giá vốn hàng bán	23	151.637.382.721	136.200.152.859
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		42.142.037.270	39.727.542.084
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	3.161.714.721	2.203.488.652
22	7. Chi phí tài chính	25	116.395.081.769	34.081.769.966
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		27.910.241.387	34.073.995.547
24	8. Chi phí bán hàng	26	25.630.757.158	24.720.153.050
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	12.860.261.279	11.826.513.088
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(109.582.348.215)	(28.697.405.368)
31	11. Thu nhập khác	28	93.354.401	479.667.675
32	12. Chi phí khác	29	323.671.303	756.847.461
40	13. Lợi nhuận khác		(230.316.902)	(277.179.786)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(109.812.665.117)	(28.974.585.154)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(109.812.665.117)	(28.974.585.154)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	(12.479)	(3.293)

Đoàn Thị Thu Hà
 Người lập
 Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2016

Đoàn Thị Thu Hà
 Kế toán trưởng

Trương Tiến Dũng
 Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015
 (Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		199.181.244.000	181.399.603.835
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(135.621.147.070)	(142.967.791.130)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(39.325.669.789)	(32.077.993.522)
06	4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.246.823.311	1.423.877.985
07	5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.534.794.692)	(3.803.792.395)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		21.946.455.760	3.973.904.773
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(3.117.207.040)	(6.088.371.973)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		464.318.182	292.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(26.500.000.000)	(20.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		7.000.000.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		907.347.960	2.149.710.094
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(21.245.540.898)	(23.646.661.879)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		700.914.862	(19.672.757.106)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		18.406.809.733	38.028.371.845
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		283.414.231	51.194.994
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	19.391.138.826	18.406.809.733



Đoàn Thị Thu Hà
 Người lập

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2016



Đoàn Thị Thu Hà
 Kế toán trưởng





Trương Tiến Dũng
 Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2015

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn tiền thân là Công ty Kinh doanh Thủy hải sản trực thuộc Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Kinh doanh Thủy hải sản theo Quyết định số 2399/QĐ-UBND ngày 26 tháng 05 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Lô 4-6-8 Đường số 1A, KCN Tân Tạo, Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 88.000.000.000 đồng; tương đương 8.800.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng. Vốn thực góp tới thời điểm 31/12/2015 là 88.000.000.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh các sản phẩm từ thủy hải sản

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Nuôi trồng thủy sản;
- Mua bán vật tư phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản;
- Ăn uống. Kinh doanh ăn uống các mặt hàng thủy hải sản tươi sống và chế biến. Dịch vụ ăn uống;
- Cho thuê kho, bãi. Dịch vụ bảo quản hàng đông lạnh xuất khẩu;
- Mua bán thủy hải sản; mua bán thực phẩm; công nghệ phẩm; nông sản;
- Chế biến thủy hải sản; chế biến nước mắm, nước chấm;
- Mua bán thủy hải sản, thực phẩm, nông sản;

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Đến thời điểm 31/12/2015 Công ty đang lỗ lũy kế là 493.909.331.871 VND làm âm nguồn vốn chủ sở hữu 404.077.509.570 VND và các khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 452.682.984.856 VND. Các vấn đề này ảnh hưởng đến khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng với sự hỗ trợ của chủ sở hữu, sự chấp thuận của ngân hàng trong việc tái cơ cấu vốn vay và kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu của Công ty trong thời gian tới, tình hình tài chính của Công ty sẽ được cải thiện. Do đó, Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty vẫn được lập dựa trên giả định về hoạt động liên tục

Tại ngày lập Báo cáo tài chính, để đảm bảo tính thận trọng Công ty đã thực hiện đánh giá lại khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Nam - Chi nhánh Chợ Lớn có số dư gốc nợ vay là vàng theo tỷ giá vàng bán ra của bên cho vay niêm yết tại ngày 31/12/2015. Với việc đánh giá lại số dư nợ vàng của Công ty đã làm cho chi phí tài chính của Công ty trong năm tăng thêm một khoản tương ứng là 88.331.620.000 đồng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Xí nghiệp Đông lạnh Thăng Lợi	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh
- Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Thủy sản Chợ Lớn	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau (tiếp theo):

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Thủy sản Bình Thới	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh
- Xí nghiệp thu mua cung ứng Nông hải sản xuất khẩu	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh
- Xí nghiệp Kinh doanh nuôi trồng Thủy sản	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh
- Trung tâm Kinh doanh và Dịch vụ APT	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh
- Xưởng chế biến Hải sản	153 Lương Thế Vinh, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Tp. HCM

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 37.

2.4. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập căn cứ vào khả năng thu hồi tại thời điểm cuối năm theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	02 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 12 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 06 năm
- Tài sản cố định khác	04 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ. Trường hợp vay, nợ bằng vàng thì thực hiện theo đối chi tiết theo số lượng vàng.

Các khoản vay bằng vàng của Công ty được đánh giá lại theo tỷ giá vàng niêm yết tại ngân hàng vay, tại ngày kết thúc năm tài chính.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm, và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.22 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	419.697.000	112.983.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.971.441.826	8.293.826.733
Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
	19.391.138.826	18.406.809.733

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	39.500.000.000	39.500.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
	39.500.000.000	39.500.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000

(*) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 7 đến 12 tháng tại các Ngân hàng TMCP Đại Dương, Ngân hàng TMCP Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Bản Việt với lãi suất từ 6,3%/năm đến 7,2%/năm.

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Hệ thống siêu thị Metro	497.954.167	782.197.462
- Hệ thống siêu thị Big C	1.020.365.268	917.746.349
- Hệ thống siêu thị Co.opMart	737.614.532	419.196.816
- Công Ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Phước Thành	1.641.914.713	-
- Công Ty TNHH MTV Thương Mại Yến Vĩnh Trường	1.300.532.000	-
- MOOIJER VOLENDAM BV CO.,LTD	1.366.157.034	2.972.878.310
- GOEUN CO.,LTD	1.171.016.806	1.657.306.191
- Công Ty TNHH TM Thủy Sản Nguyễn Chí	1.249.394.455	1.158.381.115
- Công Ty CP Đầu Tư Cần Giờ	1.965.100.000	-
- Công nợ khó đòi trước khi cổ phần hóa	71.889.521.917	71.779.617.147
- Các khoản phải thu khách hàng khác	4.033.337.260	4.420.888.600
	86.872.908.152	84.108.211.990
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
- Phải thu của khách hàng ngắn hạn	86.872.908.152	84.108.211.990
	86.872.908.152	84.108.211.990

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng VND	Giá gốc	Dự phòng VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	63.346.871	-	56.072.747	-
Tạm ứng	1.064.386.451	-	832.755.901	-
Công nợ trước khi cổ phần hóa	33.976.671.410	33.864.021.867	34.757.963.198	34.645.313.655
Lãi dự thu	1.957.272.907	-	78.027.093	-
Phải thu khác	332.158.124	-	186.669.987	-
	<u>37.393.835.763</u>	<u>33.864.021.867</u>	<u>35.911.488.926</u>	<u>34.645.313.655</u>

7 . NỢ XẤU

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:				
+ Công nợ phải thu khách hàng trước cổ phần hóa	71.889.521.917	-	71.779.617.147	238.821.014
+ Công nợ phải thu khác trước cổ phần hóa	33.976.671.410	112.649.543	34.757.963.198	112.649.543
+ Công nợ ứng trước trước cổ phần hóa	5.650.000.000	-	5.650.000.000	-
	<u>111.516.193.327</u>	<u>112.649.543</u>	<u>112.187.580.345</u>	<u>351.470.557</u>

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.282.906.451	(156.894.729)	3.792.682.767	(757.208.689)
Công cụ, dụng cụ	-	-	1.096.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.085.865.962	-	4.130.271.353	-
Thành phẩm	11.878.376.173	-	17.912.192.799	-
Hàng hoá	15.621.410	-	237.499.055	-
Hàng gửi đi bán	670.606.530	-	-	-
	<u>19.933.376.526</u>	<u>(156.894.729)</u>	<u>26.073.741.974</u>	<u>(757.208.689)</u>

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	40.545.764.441	43.819.958.137	8.125.430.889	342.925.720	4.119.172.645	96.953.251.832
- Mua trong năm	-	2.425.872.040	-	-	-	2.425.872.040
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.724.148.810)	(103.706.426)	-	(570.000.000)	(3.397.855.236)
Số dư cuối năm	40.545.764.441	43.521.681.367	8.021.724.463	342.925.720	3.549.172.645	95.981.268.636
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	14.869.260.471	35.422.340.007	5.652.852.360	245.481.307	3.120.164.422	59.310.098.567
- Khấu hao trong năm	1.932.704.424	3.192.424.153	604.853.669	23.705.090	154.114.776	5.907.802.112
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.238.113.033)	(103.706.426)	-	(270.750.000)	(2.612.569.459)
Số dư cuối năm	16.801.964.895	36.376.651.127	6.153.999.603	269.186.397	3.003.529.198	62.605.331.220
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	25.676.503.970	8.397.618.130	2.472.578.529	97.444.413	999.008.223	37.643.153.265
Tại ngày cuối năm	23.743.799.546	7.145.030.240	1.867.724.860	73.739.323	545.643.447	33.375.937.416
Trong đó:						
- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:				33.375.937.416 VND		
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:				VND		

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 là phần mềm máy tính với nguyên giá và khấu hao lũy kế là 365.560.000 đồng, số khấu hao phát sinh trong năm là 86.998.901 đồng.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	88.087.996	253.976.833
Chi phí trả trước về sửa chữa tài sản	17.088.318	207.320.833
Công cụ dụng cụ xuất dùng	70.999.678	46.656.000
b) Dài hạn	16.867.060.370	17.395.948.436
Tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Tân Tạo	11.303.464.560	11.668.073.808
Chi phí thuê đất tại Chợ Bình Điền chờ phân bổ	3.709.848.463	3.811.444.423
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	97.945.523	591.238.983
Chi phí cải tạo, sửa chữa ao nuôi cá và bè cá	75.775.004	126.291.668
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	1.680.026.820	1.198.899.554
	<u>16.955.148.366</u>	<u>17.649.925.269</u>

12 . TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài sản dài hạn khác của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 là các khoản ký quỹ dài hạn với số dư là 46.097.500 đồng.

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Phương Nam - Chi nhánh Chợ Lớn (1)	206.010.780.000	-	88.311.620.000	-	294.322.400.000	-
	206.010.780.000	-	88.311.620.000	-	294.322.400.000	-

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Số dư tại ngày 31/12/2015 gồm các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

1.1 Hợp đồng tín dụng số 011/01/09 ngày 08/01/2009, với các điều khoản chi tiết sau:

Hạn mức tín dụng: 103 tỷ VND;

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;

Thời hạn cho vay: 12 tháng từ ngày 08/01/2009 đến 08/01/2010, hợp đồng này đã quá hạn thanh toán nhưng Công ty chưa có khả năng trả nợ cho ngân hàng;

Lãi suất cho vay: 12%/năm;

Các hình thức bảo đảm tiền vay: Bằng toàn bộ tài sản của Công ty theo hợp đồng thế chấp tài sản số 009/HĐTC.2009 ngày 08/01/2009;

Dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 103 tỷ VND.

1.2 Hợp đồng tín dụng số 009/01/09 ngày 08/01/2009, với các điều khoản chi tiết sau:

Hạn mức tín dụng: 5.833 lượng vàng SJC tương ứng với số tiền 191.322.400.000 VND (quy đổi theo tỷ giá vàng tại ngày 31/12/2015);

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;

Thời hạn cho vay: 12 tháng từ ngày 08/01/2009 đến 08/01/2010, hợp đồng này đã quá hạn thanh toán nhưng Công ty chưa có khả năng trả nợ cho ngân hàng;

Lãi suất cho vay: 10,8%/năm;

Các hình thức bảo đảm tiền vay: Bằng toàn bộ tài sản của Công ty theo hợp đồng thế chấp tài sản số 009/HĐTC.2009 ngày 08/01/2009;

Dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 5.833 lượng vàng SJC tương đương 191.322.400.000 VND.

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
- Công Ty TNHH TM SX Thực Phẩm Chen Quốc Tế	1.389.692.154	1.389.692.154	303.626.289	303.626.289
- Công Ty TNHH MTV TM Vương Duy Minh	1.416.260.000	1.416.260.000	-	-
- Nguyễn Hữu Thanh (CMND: 260558544)	546.010.000	546.010.000	-	-
- Nguyễn Ngọc Danh (CMND 340187661)	1.013.040.000	1.013.040.000	-	-
- Ngô Thị Thanh Thúy (CMT: 021829613)	1.335.657.780	1.335.657.780	271.906.464	271.906.464
- Phải trả các đối tượng khác	2.365.284.374	2.365.284.374	2.133.799.799	2.133.799.799
	<u>8.065.944.308</u>	<u>8.065.944.308</u>	<u>2.709.332.552</u>	<u>2.709.332.552</u>

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	155.608.528	-	6.697.274.700	6.697.274.700	155.608.528	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	10.656.154	-	158.011.590	158.011.590	10.656.154	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	37.835.674	-	-	-	37.835.674	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	44.369.524	452.087.914	394.529.075	-	101.928.363
Thuế Tài nguyên	-	780.000	9.828.000	9.808.000	-	800.000
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	140.014.094	2.347.299.473	1.878.255.391	-	609.058.176
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
	204.100.356	185.163.618	9.670.501.677	9.143.878.756	204.100.356	711.786.539

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Chi phí chiết khấu trích trước	174.777.549	302.312.516
- Chi phí vận chuyển trích trước	44.896.642	-
- Trích trước chi phí thuê máy móc	16.000.000	14.950.000
- Trích trước chi phí xuất hàng, bốc xếp và làm hàng	-	81.296.020
	235.674.191	398.558.536

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	238.952.203.538	210.395.679.460
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	135.752.064
- Phải trả về cổ phần hoá	11.267.612.814	11.267.612.814
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.055.861.900	2.055.861.900
- Phải trả Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	24.799.354.131	24.799.354.131
- Phải trả Ngân hàng TMCP Phương Nam về lãi tiền vay VND	71.598.200.001	59.066.533.334
- Phải trả Ngân hàng TMCP Phương Nam về lãi tiền vay vàng	123.550.318.400	108.171.743.680
- Phải trả về kinh phí ngành	600.778.835	600.778.835
- Phải trả về tài sản bán giao của TCT Thương mại Sài Gòn	3.396.720.854	3.396.720.854
- Phải trả Sở Tài chính về di dời chợ Xóm Củi và sân cá 50	240.931.000	240.931.000
- Phải trả Trung tâm kinh doanh thủy sản APT	208.594.004	208.594.004
- Trích nộp Tổng Công ty - Quỹ Phúc Lợi	81.697.182	81.697.182
- Kinh phí di dời	68.034.000	68.034.000
- Phải trả Công ty TPĐLXK Sài Gòn	74.931.310	74.931.310
- Phải trả của Cửa hàng Cầu Ông Lãnh	10.622.075	10.622.075
- Phải trả Công đoàn Công ty	-	183.993.000
- Phải trả tiền hàng ủy thác xuất khẩu	878.548.032	-
- Công ty CP Hỗ trợ Dịch vụ Thanh toán Việt Phú	79.999.000	-
- Công Ty TNHH Ngọc Nam Vi	40.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	32.519.277
b) Dài hạn	1.683.620.000	1.595.250.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.683.620.000	1.595.250.000
	240.635.823.538	211.990.929.460

c) **Số nợ quá hạn chưa thanh toán**

- Phải trả Ngân hàng TMCP Phương Nam lãi tiền vay VND (*)	71.598.200.001	59.066.533.334
- Phải trả Ngân hàng TMCP Phương Nam lãi tiền vay vàng (*)	123.550.318.400	108.171.743.680
- Phải trả về cổ phần hoá	11.267.612.814	11.267.612.814
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.055.861.900	2.055.861.900
- Phải trả Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	24.799.354.131	24.799.354.131
- Các khoản phải trả khác trước cổ phần hóa	4.682.309.260	4.682.309.260
<i>Phải trả về kinh phí ngành (**)</i>	600.778.835	600.778.835
<i>Phải trả về tài sản bàn giao của TCT Thương mại Sài Gòn (**)</i>	3.396.720.854	3.396.720.854
<i>Phải trả Sở Tài chính về di dời chợ Xóm Củi và sân cá 50 (**)</i>	240.931.000	240.931.000
<i>Phải trả Trung tâm kinh doanh thủy sản APT (**)</i>	208.594.004	208.594.004
<i>Trích nộp Tổng Công ty - Quỹ Phúc Lợi (**)</i>	81.697.182	81.697.182
<i>Kinh phí di dời (**)</i>	68.034.000	68.034.000
<i>Phải trả Công ty TPĐLXK Sài Gòn (**)</i>	74.931.310	74.931.310
<i>Phải trả của Cửa hàng Cầu Ông Lãnh (**)</i>	10.622.075	10.622.075
	237.953.656.506	210.043.415.119

Lý do chưa thanh toán nợ quá hạn:

(*) Khoản lãi vay liên quan tới khoản vay của Ngân hàng TMCP Phương Nam trước giai đoạn cổ phần hóa không có khả năng thanh toán

(**) Các khoản công nợ phải trả phát sinh ở giai đoạn Công ty Nhà nước trước khi cổ phần đang chờ quyết toán.

18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 là doanh thu cho thuê mặt bằng tại đường Trần Hưng Đạo, Quận 5, Hồ Chí Minh của Công ty với số dư là 685.912.500 đồng. Khoản doanh thu này được phân bổ dần vào doanh thu hoạt kinh doanh trong năm 2016 theo thời gian của hợp đồng mà khách hàng đã trả tiền trước.

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	88.000.000.000	1.831.822.301	(355.122.081.600)	(265.290.259.299)
Lỗ trong năm trước	-	-	(28.974.585.154)	(28.974.585.154)
Số dư cuối năm trước	88.000.000.000	1.831.822.301	(384.096.666.754)	(294.264.844.453)
Lỗ trong năm nay	-	-	(109.812.665.117)	(109.812.665.117)
Số dư cuối năm nay	88.000.000.000	1.831.822.301	(109.812.665.117)	(404.077.509.570)

b) **Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	31/12/2015 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2015 VND
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	30,00	26.401.980.000	30,00	26.401.980.000
Ông Trần Phát Minh	36,45	32.076.020.000	36,45	32.076.020.000
Ông Tạ Bá Thuyết	5,68	5.000.000.000	5,68	5.000.000.000
Các cổ đông khác	27,87	24.522.000.000	27,87	24.522.000.000
	100	88.000.000.000	100	88.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	88.000.000.000	88.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	88.000.000.000	88.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.800.000	8.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.800.000	8.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.800.000	8.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.800.000	8.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.800.000	8.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

e) Các quỹ công ty

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.831.822.301	1.831.822.301
	1.831.822.301	1.831.822.301

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2015	01/01/2015
- Đồng Dollar Mỹ (USD)	678.492,96	1.909,03

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công nợ phải thu ông Trần Văn Tạo	383.646.000	-
	383.646.000	-

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	31.427.745.336	13.371.936.724
Doanh thu bán thành phẩm	104.189.066.285	105.807.454.146
Doanh thu cung cấp dịch vụ	61.155.817.157	57.531.658.871
	196.772.628.778	176.711.049.741

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	328.600.992	389.407.542
Hàng bán bị trả lại	34.512.664	40.072.217
Giảm giá hàng bán	2.630.095.131	353.875.039
	2.993.208.787	783.354.798

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	25.926.010.122	11.551.167.244
Giá vốn của thành phẩm đã bán	88.610.746.039	92.000.387.601
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	37.700.940.520	32.143.220.684
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(600.313.960)	505.377.330
	151.637.382.721	136.200.152.859

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.786.593.774	2.039.594.816
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	10.286.393
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	101.957.867	65.638.942
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	273.163.080	87.968.501
	3.161.714.721	2.203.488.652

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	27.910.241.387	34.073.995.547
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	171.961.698	7.101.237
Khoản lỗ do đánh giá lại gốc vay vàng theo tỷ giá cuối năm	88.311.620.000	673.182
Các khoản chi phí tài chính khác	1.258.684	-
	116.395.081.769	34.081.769.966

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.729.330.347	3.439.216.514
Chi phí nhân công	4.956.275.589	5.583.557.302
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.373.732.999	1.892.591.407
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.948.471.886	3.547.866.119
Chi phí khác bằng tiền	8.622.946.337	10.256.921.708
	25.630.757.158	24.720.153.050

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nhân công	6.532.978.714	6.930.611.501
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.019.188.955	1.201.290.489
Thuế, phí, lệ phí	15.828.000	16.064.000
Hoàn nhập dự phòng	(48.920.004)	(27.842.144)
Chi phí khác bằng tiền	5.341.185.614	3.706.389.242
	12.860.261.279	11.826.513.088

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	254.251.749
Thu nhập từ xử lý hàng thừa khi kiểm kê	28.656.185	6.382
Thu nhập từ xử lý các khoản công nợ không phải trả	13.566.269	118.144.615
Thu nhập từ thanh lý CCDC và phế liệu	46.454.545	-
Thu nhập từ tiền hoàn thuế bảo vệ môi trường	-	56.000.000
Thu nhập từ tiền bồi thường	-	20.000.000
Thu nhập khác	4.677.402	31.264.929
	93.354.401	479.667.675

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lỗ từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	320.967.595	-
Các khoản tiền bị phạt, chậm nộp thuế, BHXH	126.985	557.008.876
Xử lý công nợ	893.861	194.488.603
Chi phí khác	1.682.862	5.349.982
	323.671.303	756.847.461

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(109.812.665.117)	(28.974.585.154)
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(109.812.665.117)	(28.974.585.154)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.800.000	8.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(12.479)	(3.293)

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	88.787.397.620	104.876.388.580
Chi phí nhân công	41.723.980.580	35.868.260.818
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.907.802.112	7.057.940.972
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.516.368.525	10.910.293.806
Chi phí khác bằng tiền	13.964.131.951	11.361.106.521
	159.899.680.788	170.073.990.697

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

		Giá trị sổ kế toán		
		31/12/2015	01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.391.138.826	-	18.406.809.733	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	124.266.743.915	(111.403.543.784)	120.019.700.916	(111.836.109.788)
Các khoản cho vay	39.500.000.000	-	20.000.000.000	-
	<u>183.157.882.741</u>	<u>(111.403.543.784)</u>	<u>158.426.510.649</u>	<u>(111.836.109.788)</u>
		Giá trị sổ kế toán		
		31/12/2015	01/01/2015	
		VND	VND	
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ		294.322.400.000	206.010.780.000	
Phải trả người bán, phải trả khác		248.701.767.846	214.700.262.012	
Chi phí phải trả		235.674.191	398.558.536	
		<u>543.259.842.037</u>	<u>421.109.600.548</u>	

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.391.138.826	-	-	19.391.138.826
Phải thu khách hàng, phải thu khác	12.863.200.131	-	-	12.863.200.131
Các khoản cho vay	39.500.000.000	-	-	39.500.000.000
	<u>71.754.338.957</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>71.754.338.957</u>
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.406.809.733	-	-	18.406.809.733
Phải thu khách hàng, phải thu khác	8.183.591.128	-	-	8.183.591.128
Các khoản cho vay	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000
	<u>46.590.400.861</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>46.590.400.861</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Vay và nợ	294.322.400.000	-	-	294.322.400.000
Phải trả người bán, phải trả khác	247.018.147.846	1.683.620.000	-	248.701.767.846
Chi phí phải trả	235.674.191	-	-	235.674.191
	541.576.222.037	1.683.620.000	-	543.259.842.037
	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	206.010.780.000	-	-	206.010.780.000
Phải trả người bán, phải trả khác	213.105.012.012	1.595.250.000	-	214.700.262.012
Chi phí phải trả	398.558.536	-	-	398.558.536
	419.514.350.548	1.595.250.000	-	421.109.600.548

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . THÔNG TIN KHÁC

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, số liệu tài chính tại thời điểm chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần của Công ty chưa được phê duyệt chính thức.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này

35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo khu vực địa lý

	Hoạt động xuất khẩu VND	Hoạt động bán hàng; cung cấp dịch vụ nội địa VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	79.690.905.008	114.088.514.983	193.779.419.991
Tài sản bộ phận	16.506.423.716	131.591.317.952	148.097.741.668
Tổng chi phí mua TSCĐ	2.298.200.000	127.672.040	2.425.872.040

Do hoạt động chính của Công ty là trong lĩnh vực kinh doanh thủy hải sản nên Công ty không trình bày Báo cáo Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải trả Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn Cổ đông lớn		
- Phải trả về cổ tức	1.965.713.000	1.965.713.000
- Phải trả khác chờ quyết toán giai đoạn cổ phần hóa	24.799.354.131	24.799.354.131

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.521.300.000	1.623.374.000

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay. (chi tiết tại phụ lục số 1)


 Đoàn Thị Thu Hà
 Người lập
 Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2016


 Đoàn Thị Thu Hà
 Kế toán trưởng



 Trương Tiến Dũng
 Tổng Giám đốc

Phụ lục số 1: Phân loại lại một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2014 cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC		
Mã số	Tên khoản mục	Số trước điều chỉnh	Mã số	Tên khoản mục	Số sau điều chỉnh
a/ Bảng Cân đối kế toán			a/ Bảng Cân đối kế toán		
258	Đầu tư dài hạn khác	20.000.000.000	123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	20.000.000.000
131	Phải thu khách hàng	84.108.211.990	253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-
132	Trả trước cho người bán	5.653.385.251	131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	84.108.211.990
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(111.836.109.788)	132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.653.385.251
135	Các khoản phải thu khác	35.078.733.025	137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(111.836.109.788)
158	Tài sản ngắn hạn khác	911.309.228	136	Phải thu ngắn hạn khác	35.911.488.926
311	Vay và nợ ngắn hạn	206.010.780.000	139	Tài sản thiếu chờ xử lý	78.553.327
312	Phải trả người bán	2.709.332.552	155	Tài sản ngắn hạn khác	-
313	Người mua trả tiền trước	1.093.941.855	320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	206.010.780.000
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	185.163.618	311	Phải trả người bán ngắn hạn	2.709.332.552
315	Phải trả người lao động	5.225.363.230	312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.093.941.855
316	Chi phí phải trả	398.558.536	313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	185.163.618
319	Các khoản phải trả, phải nộp khác	210.395.679.460	314	Phải trả người lao động	5.225.363.230
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16.745.044	315	Chi phí phải trả ngắn hạn	398.558.536
333	Phải trả dài hạn khác	1.595.250.000	319	Phải trả ngắn hạn khác	210.395.679.460
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	88.000.000.000	322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16.745.044
417	Quỹ đầu tư phát triển	1.621.017.335	337	Phải trả dài hạn khác	1.595.250.000
418	Quỹ dự phòng tài chính	210.804.966	411	Vốn góp của chủ sở hữu	88.000.000.000
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(384.096.666.754)	411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	88.000.000.000
			418	Quỹ đầu tư phát triển	1.831.822.301
			421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(384.096.666.754)
			421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối	(355.122.081.600)
			421b	- LNST chưa phân phối năm nay	(28.974.585.154)
b/ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			b/ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		
31	Thu nhập khác	490.870.471	31	Thu nhập khác	479.667.675
32	Chi phí khác	768.050.257	32	Chi phí khác	756.847.461



XÁC NHẬN
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC



Trương Tiên Dũng
TRƯƠNG TIÊN DŨNG